

Số: 48 /BC-UBND

Kiên Giang, ngày 27 tháng 01 năm 2022

## **BÁO CÁO**

### **Kết quả hoạt động quản lý nhà nước về khoa học và công nghệ tại địa phương**

*Kỳ báo cáo: Năm 2021*

*(Từ ngày 15 tháng 12 năm 2020 đến ngày 14 tháng 12 năm 2021)*

## **Phần I**

### **TÌNH HÌNH, KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ**

#### **I. XÂY DỰNG CƠ CHẾ, CHÍNH SÁCH, PHÁP LUẬT VỀ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ**

Triển khai phổ biến, tuyên truyền pháp luật liên quan đến lĩnh vực khoa học và công nghệ (KH&CN). Triển khai phổ biến 02 quy định quản lý và tổ chức thực hiện đề tài, dự án KH&CN đến các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân qua các hội nghị, hội thảo, tập huấn, công tác thanh tra, kiểm tra,... góp phần nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước về KH&CN trên địa bàn tỉnh.

Đã chỉ đạo các ngành, các cấp thực hiện tổng kết kết quả triển khai Kế hoạch số 16/KH-UBND của UBND tỉnh thực hiện Chương trình hành động số 36-CTr/TU của Tỉnh ủy về phát triển KH&CN trên địa bàn tỉnh; tiếp tục thực hiện Đề án đẩy mạnh ứng dụng KH&CN phát triển sản xuất nông nghiệp thực hiện Nghị quyết Đại hội X Đảng bộ tỉnh; Đề án tập trung nâng cao chất lượng nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu phát triển KH&CN; tổng kết Đề án khung nhiệm vụ quỹ gien cấp tỉnh giai đoạn 2016 - 2020 và triển khai Đề án giai đoạn 2021 - 2025; Kế hoạch số 55/KH-UBND ngày 18/3/2021 của UBND tỉnh Kiên Giang thực hiện Chương trình hành động số 01-CTr/TU ngày 07 tháng 12 năm 2020 của Tỉnh ủy Kiên Giang thực hiện Nghị quyết số 52-NQ/TW ngày 27 tháng 9 năm 2019 của Bộ Chính trị về chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư; Quyết định số 2927/QĐ-UBND ngày 29/11/2021 của UBND tỉnh Kiên Giang về việc triển khai Chương trình phát triển sản phẩm quốc gia theo Quyết định số 157/QĐ-TTg ngày 01/02/2021 của Thủ tướng Chính phủ và ban hành Chương trình phát triển sản phẩm của tỉnh, mỗi xã một sản phẩm đến năm 2030. Đồng thời, đã ban hành nhiều văn bản về KH&CN triển khai tại địa phương gồm: Kế hoạch thực hiện Chương trình phát triển tài sản trí tuệ trên địa bàn tỉnh Kiên Giang; Kế hoạch thực hiện Đề án “Triển khai, áp dụng và quản lý hệ thống truy xuất nguồn gốc” tỉnh Kiên Giang giai đoạn đến năm 2025 và định hướng đến năm 2030; Kế hoạch duy trì và cải tiến hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn

quốc gia TCVN ISO 9001:2015 tại các cơ quan hành chính tỉnh; Kế hoạch triển khai thực hiện Dự án Nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa của doanh nghiệp; Kế hoạch thực hiện Đề án tăng cường, đổi mới hoạt động đo lường hỗ trợ doanh nghiệp Việt Nam nâng cao năng lực cạnh tranh và hội nhập quốc tế trên địa bàn tỉnh Kiên Giang; Kế hoạch thực hiện Quyết định số 314/QĐ-TTg ngày 28/02/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Kế hoạch “Nâng cao năng lực nghiên cứu về dân số và phát triển đến 2030” tại tỉnh Kiên Giang; Kế hoạch thực hiện Kế hoạch số 197-KH/TU ngày 28/02/2020 của Tỉnh ủy về phát triển khoa học và công nghệ phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế; Kế hoạch thực hiện Đề án “Triển khai, áp dụng và quản lý hệ thống truy xuất nguồn gốc” tỉnh Kiên Giang; Quyết định về việc hỗ trợ doanh nghiệp thuộc Dự án Nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa của doanh nghiệp tỉnh Kiên Giang; Quyết định phê duyệt Đề án khung nhiệm vụ khoa học và công nghệ về quỹ gen cấp tỉnh thực hiện giai đoạn 2021 - 2025; Kế hoạch thực hiện Chương trình hành động số 01-CTr/TU ngày 07/12/2020 của Tỉnh ủy Kiên Giang thực hiện Nghị quyết số 52-NQ/TW ngày 27/9/2019 của Bộ Chính trị về chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư; Kế hoạch hỗ trợ khởi nghiệp đổi mới sáng tạo trên địa bàn tỉnh Kiên Giang; Kế hoạch thực hiện Chương trình quốc gia hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa trên địa bàn tỉnh Kiên Giang, giai đoạn 2021 - 2025; Kế hoạch thực hiện Chương trình quốc gia hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa trên địa bàn tỉnh Kiên Giang giai đoạn 2021 - 2025; Kế hoạch số 63/KH-UBND ngày 31/3/2021 của UBND tỉnh Kiên Giang về hỗ trợ khởi nghiệp đổi mới sáng tạo trên địa bàn tỉnh Kiên Giang năm 2021; Quyết định về việc ban hành Kế hoạch xây dựng quy chuẩn kỹ thuật địa phương tỉnh Kiên Giang giai đoạn 05 năm (2020-2024).

Tham gia góp ý các dự thảo các văn bản của Trung ương, Bộ KH&CN về thực hiện Luật KH&CN sửa đổi, trong lĩnh vực quản lý KH&CN và nhiều văn bản khác liên quan đến hoạt động KH&CN.

## **II. HOẠT ĐỘNG KH&CN**

### **1. Hoạt động nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ**

Thông qua cơ chế đặt hàng và tuyển chọn tổ chức chủ trì, cá nhân chủ nhiệm thực hiện các đề tài, dự án KH&CN, chất lượng các hồ sơ đăng ký tham gia ngày càng được nâng lên, tuyển chọn được các tổ chức, cá nhân có đủ điều kiện và năng lực để đảm bảo triển khai nghiên cứu bám sát theo nhu cầu thực tế, giải quyết tốt hơn khó khăn của các địa phương, phù hợp định hướng phát triển ngành, kinh tế - xã hội của tỉnh. Đồng thời, ngành KH&CN đã tăng cường làm việc với các địa phương, viện trường,... để đặt hàng các đề tài, dự án giải quyết các vấn đề cấp thiết, bức xúc của ngành, địa phương; công tác liên kết, hợp tác trong hoạt động nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ với các viện, trường, trung tâm,... (Trường Đại học Cần Thơ, Trường Đại học Sư phạm kỹ thuật Vĩnh Long, Trường Đại học Nguyễn Tất Thành, Học viện Chính trị Khu vực IV,...) và các tỉnh/thành phố trong khu vực Đồng bằng sông Cửu Long được thực hiện tốt, các

đề tài, dự án KH&CN triển khai thực hiện phục vụ mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, các đề tài, dự án thuộc chương trình liên kết, hợp tác KH&CN các Sở KH&CN vùng kinh tế trọng điểm đồng bằng sông Cửu Long (Kiên Giang, An Giang, Cà Mau và TP. Cần Thơ); Liên kết, hợp tác KH&CN vùng ven biển (Kiên Giang, Cà Mau, Sóc Trăng và Bạc Liêu) chú trọng giải quyết những vấn đề chung của vùng.

Trong năm 2021, tỉnh Kiên Giang tổ chức thực hiện 37 nhiệm vụ các cấp gồm 03 đề tài, dự án cấp quốc gia, 20 đề tài, dự án cấp tỉnh và 14 đề tài, dự án cấp cơ sở. Các nhiệm vụ đều tập trung nghiên cứu giải quyết một số vấn đề khó khăn, bức xúc của tỉnh, cụ thể:

**Các đề tài, dự án cấp quốc gia:** Chủ yếu là các đề tài, dự án thuộc Chương trình nông thôn miền núi (02) và đề tài KH&CN cấp quốc gia (01), cụ thể:

- Dự án ứng dụng công nghệ mới trong việc nuôi cá lồng bè bằng lồng Na-Uy bằng chất liệu HPDE ở vùng biển đảo bước đầu cho kết quả khá tốt. Dự án đã triển khai thành công mô hình sản xuất giống cá chim vây vàng phục vụ mô hình nuôi thương phẩm và hiện đang trong quá trình theo dõi, đánh giá kết quả mô hình nuôi thương phẩm.

- Đề tài nghiên cứu và triển khai giải pháp bổ cập nước mưa vào túi dự trữ nước ngầm tại các đảo bước đầu đã cho thấy hiệu quả. Tổ chức chủ trì, chủ nhiệm và các đơn vị phối hợp đã tiến hành khảo sát, thăm dò một số đảo thuộc huyện Kiên Hải (Nam Du, An Sơn, Hòn Mấu,...), hiện đang triển khai thi công sắp hoàn thành công trình máng thu gom, xử lý và bổ cập nước mưa vào túi nước ngầm trên đảo Nam Du. Kết quả bước đầu cho thấy giải pháp kỹ thuật có hiệu quả thiết thực.

- Dự án ứng dụng tiến bộ kỹ thuật sản xuất gạch không nung trên đảo Phú Quốc đã tiếp nhận công nghệ chuyển giao, sản xuất thử nghiệm trên cơ sở thu gom phế phẩm tại địa phương tạo ra sản phẩm gạch không nung mang lại ý nghĩa trong bảo vệ môi trường, đóng góp thiết thực trong phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

**Các nhiệm vụ cấp tỉnh:** Tập trung nghiên cứu, ứng dụng thành tựu KH&CN phát triển thế mạnh sản phẩm nông nghiệp của tỉnh như hoàn thiện quy trình sản xuất giống và nuôi thương phẩm các đối tượng thủy sản có giá trị như: Nghêu lẹa, vẹm xanh, ốc hương, ghẹ xanh, cá chạch lấu,...; phục tráng các giống lúa mùa đặc sản của địa phương và xây dựng quy trình kỹ thuật canh tác phù hợp; nghiên cứu, thiết kế, ứng dụng hệ thống quan trắc và cảnh báo môi trường tự động (IoT) trong nuôi trồng thủy sản; ứng dụng công nghệ IoT trong mô hình sản xuất lúa - tôm tại huyện An Biên; triển khai các dự án bảo tồn các nguồn gen bản địa, quý hiếm, có giá trị của địa phương như kỳ tôm, còng cuốc, cá thát lát, bí kỳ nam và một số loài cá đồng đặc trưng vùng U Minh Thượng. Bên cạnh đó, một số nhiệm vụ thuộc lĩnh vực khoa học xã hội và nhân văn được quan tâm triển khai như: Nâng cao vai trò của Phụ nữ Kiên Giang trong gia đình thời kỳ mới; đề xuất giải pháp bồi dưỡng kỹ năng tư vấn tâm lý cho giáo viên chủ nhiệm tại các trường trung học cơ sở trên địa bàn tỉnh; đánh giá việc ứng dụng, đổi mới công nghệ của các doanh nghiệp vừa và nhỏ trên địa bàn tỉnh Kiên Giang và đề xuất giải pháp, lộ trình đổi mới công

nghe cho phù hợp; đề xuất các giải pháp phát triển mô hình du lịch bền vững gắn với bảo vệ môi trường tỉnh Kiên Giang;...

**Các nhiệm vụ cấp cơ sở:** Chủ yếu là các đề tài, dự án ứng dụng gắn với việc xây dựng các mô hình KH&CN tiên tiến, phục vụ sản xuất, đời sống ở các địa phương trong tỉnh. Các đề tài, dự án tập trung triển khai các mô hình KH&CN nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất, gắn xây dựng nông thôn mới, tái cơ cấu ngành nông nghiệp, bảo vệ môi trường và thích ứng với biến đổi khí hậu, góp phần tích cực vào việc thực hiện các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương; nhiều kết quả đã được duy trì và nhân rộng trong sản xuất, mang lại hiệu quả kinh tế. Trong năm 2021 đã triển khai xây dựng các mô hình thủy sản có giá trị như: sản xuất giống và nuôi thương phẩm cá chạch lấu với nhiều hình thức khác nhau (nuôi trong bồn, bể lót bạt, ao đất, hệ thống tuần hoàn), nuôi thương phẩm cá chép giòn,...; xây dựng các mô hình trồng cây nông nghiệp như khóm VietGAP, nấm rơm, nấm Trân Châu,...; Ứng dụng công nghệ trong xử lý nước phục vụ sinh hoạt và sản xuất trong quân đội;... Các đề tài, dự án bắt đầu thực hiện từ năm 2022 đã phê duyệt luôn bám sát thực tiễn, đáp ứng nhu cầu của địa phương, phục vụ trực tiếp trong thực hiện chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

Ngành KH&CN đã thực hiện tốt cơ chế đặt hàng (địa phương đặt hàng nhiệm vụ KH&CN cấp thiết) và cơ chế tuyển chọn tổ chức chủ trì, chủ nhiệm (để đảm bảo năng lực triển khai). Qua đó những năm gần đây các đề tài, dự án KH&CN cấp tỉnh được phê duyệt và triển khai luôn bám sát yêu cầu thực tiễn, có tính ứng dụng cao và tích cực phục vụ phát triển kinh tế - xã hội tỉnh. Đồng thời, ngành KH&CN cũng đã tích cực phối hợp với các sở, ngành, địa phương, hợp tác với các viện, trường để triển khai công tác đề xuất đặt hàng và triển khai những đề tài, dự án có quy mô, sức tác động nhiều đến KT-XH, nhất các dự án KH&CN cấp quốc gia, cấp tỉnh. Phần lớn các đề tài, dự án thuộc lĩnh vực khoa học - kỹ thuật đều gắn với ứng dụng thực tiễn (cả trong quá trình triển khai và duy trì sau khi kết thúc), trực tiếp nâng cao trình độ khoa học, kỹ thuật trong sản xuất, gắn với hoạt động chuyển giao, đào tạo, tập huấn đã phát triển nhiều lực lượng cán bộ kỹ thuật trong tỉnh. Các đề tài, dự án thuộc lĩnh vực khoa học xã hội và nhân văn đã bám sát yêu cầu thực tiễn nhằm cung cấp luận cứ, cơ sở khoa học cho hoạch định chiến lược, kế hoạch,... các ngành, KT-XH tỉnh.

Hầu hết các đề tài, dự án cấp cơ sở mang tính ứng dụng cao, trình độ kỹ thuật sản xuất được nâng cao, ý thức của quần chúng nhân dân trong ứng dụng tiến bộ KH&CN đã trực tiếp đưa nhanh các kết quả nghiên cứu vào thực tiễn sản xuất, đời sống, phát triển kinh tế - xã hội địa phương, nhiều đề tài, dự án sau khi kết thúc đã được duy trì và tiếp tục phát triển.

Một số kết quả nổi bật trong hoạt động nghiên cứu và ứng dụng KH&CN tại Kiên Giang năm 2021 được trình bày tại Biểu số 01.01/KHCNĐP-NCKH.

## **2. Hoạt động đánh giá, thẩm định, giám định và chuyển giao công nghệ**

Trong năm, ngành KH&CN đã tham gia thẩm định công nghệ của các dự án đầu tư như cấp nước sinh hoạt vùng nông thôn, xử lý rác tại các trung tâm đô thị, vùng biên giới, hải đảo.

Bên cạnh đó, đã tham gia nhiều Hội đồng tư vấn KH&CN đánh giá các công nghệ ứng dụng trong triển khai các đề tài, dự án như: Công nghệ xử lý rác tự động của lò đốt rác, công nghệ xử lý nước phục vụ sinh hoạt cho quân dân các vùng ven biển,...

### **III. PHÁT TRIỂN TIỀM LỰC KH&CN**

#### **1. Cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động KH&CN, doanh nghiệp KH&CN**

- Tình hình, kết quả cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động KH&CN: Trong năm 2021 không cấp mới. Tính đến nay, tỉnh có 08 tổ chức hoạt động KH&CN (gồm 07 tổ chức hoạt động KH&CN công lập là các đơn vị sự nghiệp thuộc các sở, ngành tỉnh và 01 tổ chức hoạt động KH&CN ngoài công lập).

- Tình hình, kết quả cấp giấy chứng nhận doanh nghiệp KH&CN và kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp KH&CN: Trong năm 2021 không chứng nhận mới doanh nghiệp KH&CN. Đến nay, toàn tỉnh có 02 doanh nghiệp KH&CN.

*(Biểu số 01.04/KHCNĐP-TCKHCN và Biểu số 01.05/KHCNĐP-DNKHCN).*

#### **2. Phát triển nhân lực KH&CN**

Tình hình, kết quả thực hiện chính sách sử dụng, trọng dụng cá nhân hoạt động KH&CN; đào tạo nhân lực KH&CN.

Từ kết quả triển khai đề án nguồn nhân lực KH&CN của tỉnh, đến năm 2020, nguồn nhân lực tham gia nghiên cứu KH&CN trên địa bàn tỉnh đạt 6,9 người/vạn dân (1.305 người trên tất cả các lĩnh vực, cụ thể: Khu vực I là 135, khu vực II là 127 và khu vực III là 1.043); toàn tỉnh có 89 tiến sĩ, trên 2.400 thạc sĩ, 96.376 đại học. Tiếp tục rà soát, triển khai gắn với đề án nguồn nhân lực của tỉnh.

Bên cạnh đó, thông qua công tác tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ KH&CN và các đề tài, dự án đã tạo ra được đội ngũ cán bộ quản lý, cán bộ kỹ thuật,... cơ bản đáp ứng yêu cầu. Từng bước hình thành, chuyên nghiệp hóa trong tham gia hoạt động KH&CN đối với các tổ chức hoạt động KH&CN và các trung tâm, viện, trường,...

Tiếp tục phối hợp chặt chẽ với Liên hiệp các Hội Khoa học - Kỹ thuật trong phát triển nguồn nhân lực, tập hợp tri thức tỉnh trong phản biện, tư vấn, tham gia các Hội đồng khoa học,...

#### **3. Phát triển hạ tầng KH&CN**

Hiện nay tỉnh Kiên Giang chưa thành lập khu công nghệ cao, có 3 vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao được công nhận: (1) Vùng nông nghiệp công nghệ cao Trung Sơn Kiên Giang, của Công ty Cổ phần Trung Sơn hoạt động lĩnh vực nuôi trồng, chế biến thủy sản; (2) Vùng sản xuất lúa ứng dụng công nghệ cao Trung An Kiên Giang của Công ty Cổ phần Nông nghiệp công nghệ cao Trung An Kiên Giang hoạt động trong lĩnh vực sản xuất và chế biến lúa gạo; (3) Vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao nuôi trồng thủy sản Minh Phú Kiên Giang của Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú hoạt động trong lĩnh vực nuôi

trồng, chế biến thủy sản và 01 doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao là Công ty Cổ phần Thủy sản Trung Sơn.

Trong thời gian qua, tỉnh đã quan tâm đầu tư tăng cường tiềm lực KH&CN cho các đơn vị sự nghiệp công lập (Trung tâm Khoa học, Công nghệ và Môi trường; Trung tâm Giống Nông - Lâm - Ngư nghiệp; Trung tâm Khuyến nông,...), các phòng thí nghiệm, trạm, trại thực nghiệm (Trại Thực nghiệm KH&CN Mong Thọ, Trại sản xuất giống thủy sản Ba Hòn,...), sẵn sàng cho nghiên cứu ứng dụng, thử nghiệm các công nghệ mới, bước đầu đã mang lại hiệu quả thiết thực trong hoạt động nghiên cứu và hợp tác, liên kết nghiên cứu ứng dụng, dịch vụ,... Nhiều cơ sở chế tạo trang thiết bị, công nghệ, doanh nghiệp,... đang được điều tra, đánh giá nhằm có giải pháp, lộ trình đổi mới công nghệ phù hợp. Bên cạnh đó, thông qua các đề tài, dự án KH&CN đã tăng cường đầu tư, hoàn thiện cơ sở vật chất, trang thiết bị,... Qua đó, giúp các đơn vị nâng cao được năng lực phân tích, kiểm nghiệm, đáp ứng yêu cầu quản lý Nhà nước và chất lượng sản phẩm hàng hóa trên địa bàn tỉnh, quan trắc trong lĩnh vực môi trường (lý, hóa, sinh). Đối với lĩnh vực y tế, thông qua các kết quả nghiên cứu, ứng dụng công nghệ, các cơ sở y tế đã nâng cao được năng lực, trình độ trong phòng, khám và điều trị bệnh, đặc biệt là trong thực hiện phòng, chống dịch bệnh Covid-19 hiện nay.

Tỉnh đã tạo mọi điều kiện thuận lợi trong tiếp cận cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư cho các doanh nghiệp đẩy mạnh hoạt động kinh doanh, đầu tư xây dựng, mở rộng, nâng cấp hạ tầng kỹ thuật, mạng lưới,... đảm bảo thông tin, liên lạc phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh. Hiện nay, trên địa bàn tỉnh Kiên Giang có 08 doanh nghiệp cung cấp dịch vụ viễn thông. Tổng số thuê bao điện thoại ước đạt là 1.963.547 thuê bao, trong đó có 35.839 thuê bao điện thoại cố định và 1.927.708 thuê bao điện thoại di động, mật độ thuê bao điện thoại đạt 114 thuê bao/100 dân. Tổng số thuê bao truy nhập Internet băng rộng cố định và di động là 1.381.761 thuê bao, mật độ thuê bao đạt 80,2 thuê bao/100 dân. Tỷ lệ dân số được phủ sóng thông tin di động 4G đạt 96%. Chỉ đạo các sở, ngành chuyên môn phối hợp VNPT Kiên Giang, Viettel Kiên Giang tham gia xây dựng hạ tầng viễn thông cho chuyển đổi số tại các cơ sở giáo dục, các cơ quan quản lý nhà nước,... Triển khai lập và thực hiện các đề án đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, nhất là giao thông trên địa bàn tỉnh theo kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Kiên Giang giai đoạn 2021 - 2025. Trang thiết bị và hệ thống công nghệ thông tin kết nối phục vụ hoạt động hành chính tại cơ quan nhà nước các cấp cơ bản đáp ứng yêu cầu và tiếp tục được quan tâm đầu tư. Toàn tỉnh có hơn 5200 máy tính đang hoạt động trong các cơ quan nhà nước cho mục đích công vụ. Hạ tầng trang thiết bị tại Trung tâm dữ liệu tỉnh đáp ứng khả năng vận hành và dự phòng khá tốt với hệ thống làm lạnh, chống sét, phòng cháy, chữa cháy, nguồn điện dự phòng,... Trung tâm có năng lực xử lý đồng thời hơn 200 máy chủ ảo, với khả năng lưu trữ khoảng 360 TB, công nghệ ảo hóa tiên tiến cùng các trang thiết bị đảm bảo an toàn thông tin, sao lưu dự phòng dữ liệu. Quá trình vận hành trong năm 2021 cơ bản đảm bảo hoạt động an toàn 24/7, khả năng đáp ứng tốt các nhiệm vụ về hạ tầng phục vụ phát triển Chính quyền điện tử, Chuyển đổi số các cơ quan nhà nước tỉnh Kiên Giang từ nay đến năm 2025, thích ứng kịp thời trong tiến trình

của Cách mạng công nghiệp 4.0. Vận hành hiệu quả Trung tâm Giám sát an toàn, an ninh mạng và điều hành các hệ thống thông tin tỉnh Kiên Giang và theo dõi an ninh mạng cho hơn 5000 máy trạm của cán bộ, công chức, kết nối với Trung tâm Giám sát an toàn không gian mạng quốc gia nhằm thực hiện theo dõi, giám sát và đảm bảo an toàn thông tin các hệ thống thông tin trọng yếu của tỉnh Kiên Giang trên mô hình 4 lớp theo chỉ đạo của Chính phủ, hướng dẫn của Bộ Thông tin và Truyền thông. Thời gian qua, trong quá trình theo dõi, giám sát công tác đảm bảo an toàn thông tin của Trung tâm dữ liệu tỉnh, hàng năm đã phát hiện và ngăn chặn kịp thời hơn 1.000 cuộc tấn công có chủ đích, mức độ nguy hiểm cao vào hệ thống. Việc triển khai Trung tâm SOC còn giúp người dân có thể phản ánh mọi vấn đề, bất cập của đô thị một cách kịp thời thông qua ứng dụng trên thiết bị di động và giúp chính quyền đô thị tiếp nhận, giải quyết các bất cập nhanh chóng, chính xác và hiệu quả. Tập hợp và thống kê các số liệu kinh tế, xã hội của tỉnh, hỗ trợ cho lãnh đạo trong việc chỉ đạo, điều hành phát triển kinh tế, xã hội của tỉnh. Nguồn dữ liệu sẽ được tích hợp, chia sẻ với các ngành Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Thuế, Hải quan, Thống kê, hệ thống điều hành giám sát, hoạt động 24/7 để chủ động phòng chống nguy cơ mất an toàn thông tin và chủ động phòng vệ, phản ứng trước các cuộc tấn công mạng theo đúng tinh thần Chỉ thị số 14/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ và Nghị quyết số 17/NQ-CP của Chính phủ về một số nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm phát triển Chính phủ điện tử giai đoạn 2019 - 2020, định hướng đến năm 2025.

*(Biểu số 01.07/KHCNĐP-CCTC).*

#### **4. Phát triển thị trường KH&CN**

Trong năm 2021, do tình hình dịch bệnh Covid-19 diễn biến phức tạp, hoạt động tư vấn, môi giới chuyển giao công nghệ, kết nối cung cầu công nghệ; công tác thông tin công nghệ; công tác tổ chức sự kiện KH&CN;... chưa được triển khai. Tuy nhiên, thông qua hình thức trực tuyến đã đẩy mạnh được công tác tuyên truyền, tập huấn,... theo Kế hoạch số 63/KH-UBND ngày 31/3/2021 của tỉnh về hỗ trợ khởi nghiệp ĐMST năm 2021. Qua đó các sở ngành được giao đã tổ chức 06 lớp tập huấn, 05 lớp đào tạo, 04 hội thảo, 02 tọa đàm, phát động và tổ chức 03 cuộc thi sáng kiến cấp cơ sở, 02 cuộc thi sáng kiến cấp tỉnh, hỗ trợ kinh phí tổ chức hoạt động trải nghiệm cho 10 trường THPT-THCS trên địa bàn tỉnh, hỗ trợ dự án của các cá nhân, nhóm cá nhân có dự án khởi nghiệp, doanh nghiệp khởi nghiệp là sinh viên của Trường Cao đẳng Kiên Giang, Cao Đẳng Nghề Kiên Giang tham gia cuộc thi khởi nghiệp đổi mới sáng tạo tầm khu vực tại Hà Nội.

#### **5. Hoạt động thông tin KH&CN**

Năm 2021 đã thực hiện đăng ký lưu giữ kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN đối với 11 đề tài, dự án (cấp 11 giấy chứng nhận đăng ký kết quả nghiên cứu nhiệm vụ KH&CN theo quy định, 03 cấp tỉnh và 08 cấp cơ sở). Hầu hết các kết quả nghiên cứu được đưa vào thư viện tỉnh để khai thác thông qua quy chế hoạt động của thư viện.

Trong năm, đã thực hiện nhiều chuyên mục KH&CN trên Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh, đăng trên 120 bản tin trên website cho quần chúng nhân dân nắm được thông tin về các kết quả nghiên cứu khoa học, ứng dụng công nghệ, quy trình

kỹ thuật sản xuất, thông tin về phát luật sở hữu trí tuệ, an toàn bức xạ và hạt nhân, tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng,...

## **6. Kinh phí KH&CN**

Tình hình phân bổ và sử dụng kinh phí KH&CN (*Biểu số 01.10/KHCNDP-KP*).

- Tổng kinh phí sự nghiệp năm 2021 là 25.436 triệu đồng. Tổng kinh phí thực hiện là 17.952 triệu đồng, đạt 70,58% dự toán.

- Tổng kinh phí đầu tư phát triển năm 2021: Không giao dự toán.

## **7. Hoạt động của Quỹ phát triển KH&CN địa phương**

Tỉnh chưa triển khai thực hiện Quỹ phát triển KH&CN địa phương.

# **IV. HOẠT ĐỘNG TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG**

## **1. Về tiêu chuẩn**

Năm 2021, tỉnh Kiên Giang tổ chức triển khai xây dựng 02 Quy chuẩn kỹ thuật địa phương (QCĐP): QCĐP đối với nước mắm Phú Quốc và QCĐP về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt. Đến nay, đã dự thảo xong QCĐP đối với nước mắm Phú Quốc, đang lấy ý kiến các chuyên gia, các cơ quan, doanh nghiệp. Tuy nhiên, tình hình dịch bệnh Covid-19 diễn biến phức tạp và kéo dài nên có nhiều hoạt động trong xây dựng QCĐP đối với nước mắm Phú Quốc gặp khó khăn như việc tổ chức Hội thảo, họp lấy ý kiến của các bên liên quan. Vì vậy, việc xây dựng QCĐP còn chậm so với kế hoạch, dự kiến quý I năm 2022 sẽ ban hành QCĐP đối với nước mắm Phú Quốc.

## **2. Về đo lường**

Năm 2021, tổ chức 01 cuộc kiểm tra đo lường đối với hàng hóa tiêu dùng. (*Biểu số 01.13/KHCNDP-ĐL*)

## **3. Về đánh giá sự phù hợp và quản lý chất lượng sản phẩm, hàng hóa**

- Tiếp nhận và giải quyết 08 hồ sơ công bố hợp chuẩn (*Chi tiết xem tại Biểu số 01.14/KHCNDP-HCHQ*).

- Tình hình chỉ định tổ chức đánh giá sự phù hợp: Trong năm 2021, không có tổ chức, cá nhân đăng ký chỉ định hoạt động đánh giá sự phù hợp.

- Tình hình, kết quả kiểm tra chất lượng sản phẩm, hàng hóa: Do tình hình dịch bệnh Covid-19 diễn biến phức tạp và kéo dài nên trong năm không tổ chức kiểm tra chất lượng sản phẩm, hàng hóa (*Biểu số 01.16/KHCNDP-CL*).

## **4. Về xét tặng giải thưởng chất lượng**

Tình hình quản lý xét tặng giải thưởng chất lượng sản phẩm, hàng hóa trên địa bàn tỉnh, thành phố: Trong năm năm 2021, không có tổ chức, cá nhân đề nghị xét tặng giải thưởng chất lượng sản phẩm, hàng hóa tại tỉnh Kiên Giang.

## **5. Về việc triển khai các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ**

Tình hình, kết quả triển khai các quyết định của Thủ tướng Chính phủ: Quyết định số 19/2014/QĐ-TTg ngày 05/3/2014; Quyết định số 996/QĐ-TTg ngày 10/8/2018; Quyết định số 100/QĐ-TTg ngày 19/01/2019; Quyết định số 1322/QĐ-TTg ngày 31/8/2020 của Thủ tướng Chính phủ:



*\* Tình hình, kết quả triển khai Quyết định số 19/2014/QĐ-TTg ngày 05/3/2014*

- Tổ chức 16 khóa tập huấn kiến thức về đánh giá nội bộ, duy trì và cải tiến HTQLCL theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 cho các sở, ban, ngành tỉnh, UBND cấp huyện và cấp xã (Khoảng 1013 đại biểu tham dự).

- Tổ chức kiểm tra hoạt động xây dựng, áp dụng, duy trì và cải tiến HTQLCL theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 tại các cơ quan hành chính tỉnh Kiên Giang năm 2021.

- Sở Khoa học và Công nghệ xin chủ trương xây dựng hệ thống phần mềm ISO điện tử áp dụng tại các cơ quan hành chính nhà nước tỉnh Kiên Giang.

- Hiện nay, Kiên Giang đã có 100% cơ quan hành chính áp dụng HTQLCL theo Tiêu chuẩn Quốc gia TCVN ISO 9001:2015 (31 cơ quan hành chính cấp tỉnh, 15 UBND cấp huyện, 144 UBND cấp xã).

*\* Tình hình, kết quả triển khai Quyết định số 996/QĐ-TTg ngày 10/8/2018*

- Ban hành kế hoạch triển khai thực hiện Đề án “Tăng cường, đổi mới hoạt động đo lường hỗ trợ doanh nghiệp Việt Nam nâng cao năng lực cạnh tranh và hội nhập quốc tế” tỉnh Kiên Giang năm 2021.

- Do tình hình dịch bệnh Covid-19 trên địa bàn tỉnh diễn biến phức tạp và kéo dài nên không tổ chức được các lớp đào tạo về đo lường cho các doanh nghiệp của tỉnh.

*\* Tình hình, kết quả triển khai Quyết định số 100/QĐ-TTg ngày 19/01/2019.*

- Ban hành Kế hoạch thực hiện Đề án "Triển khai, áp dụng và quản lý hệ thống truy xuất nguồn gốc" tỉnh Kiên Giang năm 2021.

- Đang xây dựng sổ tay hướng dẫn truy xuất nguồn gốc cho 01 sản phẩm của tỉnh Kiên Giang.

- Sở Khoa học và Công nghệ xin chủ trương xây dựng hệ thống thông tin quản lý truy xuất nguồn gốc tỉnh Kiên Giang.

- Tổ chức khóa đào tạo hướng dẫn sử dụng mã số, mã vạch và truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa cho cơ quan, tổ chức; các hợp tác xã và doanh nghiệp (khoảng 100 đại biểu tham dự).

*\* Tình hình, kết quả triển khai Quyết định số 1322/QĐ-TTg ngày 31/8/2020*

- Ban hành Kế hoạch thực hiện Chương trình quốc gia hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa trên địa bàn tỉnh Kiên Giang giai đoạn 2021 - 2025; Kế hoạch thực hiện Chương trình quốc gia hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa trên địa bàn tỉnh Kiên Giang năm 2021.

- Tổ chức Hội đồng đồng xét chọn doanh nghiệp thực hiện các giải pháp nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa năm 2021 và phê duyệt danh sách doanh nghiệp được hỗ trợ kinh phí thực hiện các giải pháp nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa năm 2021.

11/10/2021

- Hỗ trợ kinh phí cho doanh nghiệp thuộc Dự án Nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa của doanh nghiệp tỉnh Kiên Giang năm 2020 (06 doanh nghiệp xây dựng hệ thống quản lý; 03 doanh nghiệp chứng nhận hợp chuẩn, hợp quy). Hỗ trợ kinh phí cho các doanh nghiệp thuộc Chương trình quốc gia hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa trên địa bàn tỉnh Kiên Giang năm 2021 (03 doanh nghiệp đạt Giải thưởng Chất lượng Quốc gia).

- Tổ chức khóa tập huấn kiến thức về HTQLCL theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 trong kinh doanh xăng dầu (80 đại biểu tham dự).

#### **6. Kết quả hoạt động thông báo và hỏi đáp về tiêu chuẩn đo lường chất lượng (hoạt động về TBT):**

Đưa 136 thông báo của các nước WTO liên quan đến sản phẩm nông sản và 65 bản tin và thông tin cảnh báo lên Trang thông tin quản lý chất lượng sản phẩm hàng hóa tỉnh Kiên Giang.

### **V. HOẠT ĐỘNG SỞ HỮU TRÍ TUỆ**

#### **1. Tình hình, kết quả quản lý về sở hữu trí tuệ**

Ngành KH&CN thường xuyên tuyên truyền các quy định pháp luật về sở hữu trí tuệ; hỗ trợ, hướng dẫn doanh nghiệp đăng ký bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp, xây dựng nhãn hiệu tập thể đối với các sản phẩm đặc thù, chủ lực của địa phương Kiên Giang trên các chuyên mục phát thanh truyền hình, báo, website,..., thông qua các cuộc thanh tra, kiểm tra.

Trong năm đã thực hiện tốt công tác hướng dẫn các tổ chức, cá nhân xác lập, bảo vệ quyền sở hữu công nghiệp; xử lý xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp, đã cấp 15 Giấy chứng nhận quyền sử dụng CDĐL Phú Quốc cho sản phẩm nước mắm.

(Biểu số 01.18/KHCNDP-SHTT).

#### **2. Tình hình, kết quả triển khai các biện pháp thúc đẩy hoạt động sáng kiến**

Kết quả triển khai các hoạt động khuyến khích phong trào sáng tạo; phổ biến sáng kiến:

UBND tỉnh đã phân công Sở KH&CN là cơ quan thường trực của Hội đồng xét sáng kiến cấp tỉnh. Năm 2021, Sở KH&CN nhận được 254 đơn đề nghị công nhận sáng kiến. Các sáng kiến của năm 2020 chuyển qua là 270, đã hoàn thành xét duyệt (Kết quả: 20/270 sáng kiến cấp tỉnh được công nhận)

Hàng năm, tỉnh đều dành một phần kinh phí sự nghiệp khoa học để hỗ trợ Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật tỉnh tổ chức hội thi sáng tạo kỹ thuật tỉnh và cuộc thi sáng tạo thanh thiếu niên, nhi đồng.

### **VI. HOẠT ĐỘNG PHÁT TRIỂN ỨNG DỤNG NĂNG LƯỢNG NGUYÊN TỬ, AN TOÀN BỨC XẠ VÀ HẠT NHÂN**

#### **1. Tình hình, kết quả phát triển ứng dụng năng lượng nguyên tử**

- Tình hình, kết quả phát triển ứng dụng năng lượng nguyên tử trong các lĩnh vực y tế, công nghiệp, nông nghiệp: (Biểu số 01.19/KHCNDP-NLNT).

- Tình hình đào tạo, phát triển nguồn nhân lực; thông tin, tuyên truyền về năng lượng nguyên tử: (Biểu số 01.19/KHCNĐP-NLNT).

## **2. Tình hình, kết quả quản lý về an toàn bức xạ và hạt nhân**

- Tình hình, kết quả cấp phép tiến hành công việc bức xạ; đào tạo an toàn bức xạ; bảo đảm an toàn bức xạ.

Trong năm đã tiếp nhận và thẩm định cấp 34 giấy phép, phê duyệt kế hoạch ứng phó sự cố bức xạ 03 cơ sở; cấp 23 chứng chỉ nhân viên phụ trách an toàn bức xạ.

- Đánh giá tình hình thực hiện quy định của pháp luật trong lĩnh vực an toàn bức xạ và hạt nhân.

(Biểu số 01.20/KHCNĐP-ATBX).

## **VII. CÔNG TÁC THANH TRA, KIỂM TRA TRONG LĨNH VỰC KH&CN**

### **1. Tóm tắt chương trình, kế hoạch thanh tra, kiểm tra đã được phê duyệt**

- Công tác thanh tra được phê duyệt: Trong năm 2021, tổ chức 02 cuộc thanh tra, trong đó 01 cuộc thanh tra hành chính đối với đơn vị trực thuộc Sở KH&CN và 01 cuộc thanh tra chuyên ngành lĩnh vực đo lường, chất lượng và nhãn hàng hoá mặt hàng xăng, dầu, gas đốt trên địa bàn tỉnh Kiên Giang tại 46 cơ sở.

### **2. Tình hình, kết quả công tác thanh tra, kiểm tra trong lĩnh vực KH&CN (Biểu số 01.21/KHCNĐP-TTra).**

2.1. *Tình hình thanh tra:* Trong năm 2021, tổ chức 02 cuộc thanh tra, trong đó 01 cuộc thanh tra hành chính đối với đơn vị trực thuộc Sở KH&CN và 01 cuộc thanh tra chuyên ngành lĩnh vực đo lường, chất lượng và nhãn hàng hoá mặt hàng xăng, dầu, gas đốt trên địa bàn tỉnh Kiên Giang tại 46 cơ sở.

#### **2.2. Kết quả xử lý vi phạm:**

Qua các kiểm tra hầu hết các cơ sở đều tuân thủ các quy định trong lĩnh vực kinh doanh của mình. Tuy nhiên, thông qua các cuộc kiểm tra cũng đã phát hiện các vi phạm về đo lường trong kinh doanh hàng bao gói sẵn.

Kết quả xử lý:

- Chi cục trưởng Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính 06 cơ sở vi phạm về đo lường đối với lượng của hàng đóng gói sẵn, với số tiền 12.250.000 đồng (mười hai triệu, hai trăm năm mươi ngàn đồng).

### **3. Công tác xây dựng lực lượng, bồi dưỡng nghiệp vụ và công tác khác**

Tổng số công chức thanh tra: 03 người (01 Phó Chánh Thanh tra, 02 Thanh tra viên), luôn đảm bảo giữ vững số lượng biên chế được giao. Tất cả công chức thanh tra đều được đưa đi đào tạo, tập huấn công tác thanh tra chuyên ngành thường xuyên để phục vụ công tác chuyên môn. Trong năm, có 01 lượt công chức được tham gia các lớp bồi dưỡng nghiệp vụ Thanh tra viên chính.

## **VIII. HOẠT ĐỘNG HỢP TÁC VÀ HỘI NHẬP QUỐC TẾ**

Trong thời gian qua, tỉnh đã tăng cường hợp tác nghiên cứu, ứng dụng và chuyển giao các tiến bộ khoa học kỹ thuật nhằm đáp ứng yêu cầu thực tiễn của địa phương cũng như trong tương lai. Đã phối hợp thực hiện các nhiệm vụ nghiên cứu, ứng dụng tại tỉnh Kiên Giang với các tổ chức nước ngoài như: Bộ Nghiên cứu và Giáo dục CHLB Đức, Tổ chức Bảo tồn thiên nhiên thế giới (IUCN), Tổ chức Wildlife At Risk (WAR), Hội Sếu quốc tế (ICF), Bảo tàng Hoàng gia Ontario-Canada, Bảo tàng thiên nhiên Paris-Pháp, Vườn thực vật Hoàng Gia Edinburgh-Scotland, Viện động vật Côn Minh thuộc Viện Hàn lâm khoa học Trung Quốc, Quỹ quốc tế về Bảo vệ thiên nhiên (WWF)-Malaysia, Tổ chức Hợp tác Phát triển Đức (GIZ), Liên minh Châu Âu,... Kết quả của các nhiệm vụ được các chuyên gia trong và ngoài nước đánh giá cao, đặc biệt là trong việc khôi phục rừng ngập mặn; hỗ trợ các mô hình kinh tế dân sinh trong lĩnh vực nông nghiệp có ứng dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật,... Qua đó, các dự án đã góp phần nâng cao nhận thức và cải thiện sinh kế người dân cộng đồng dân cư, hạn chế được tình trạng khai thác, bảo tồn đa dạng sinh học, chống xói lở,... Bên cạnh đó, tăng cường các chương trình, dự án hợp tác quốc tế về nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong khuôn khổ hợp tác song phương, đa phương tại các viện, trường trên địa bàn tỉnh được triển khai khá tốt, Trường Đại học Kiên Giang đã ký hợp tác với Đại học Andalas trong hợp tác giáo dục và nghiên cứu khoa học thuộc đa lĩnh vực như: Nông nghiệp, nông thôn, công nghệ, công nghệ sinh học,...; ký hợp tác với Đại học UTRECHT, Netherlands trong việc trao đổi sinh viên và hợp tác nghiên cứu khoa học trong các lĩnh vực công nghệ, phát triển nông thôn, đô thị và một số lĩnh vực khác và triển khai nhiều dự án nhằm đẩy mạnh ứng dụng KH&CN vào thực tiễn sản xuất.

## **IX. ĐÁNH GIÁ CHUNG**

### **1. Ưu điểm**

Mặc dù ảnh hưởng dịch Covid-19, được sự quan tâm, chỉ đạo của cấp thẩm quyền, đến nay các nhiệm vụ KH&CN cơ bản hoàn thành theo kế hoạch, cụ thể:

- Trong năm, đã phê duyệt danh mục nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh bắt đầu thực hiện từ năm 2022, tăng cường công tác kiểm tra và phối hợp kiểm tra tình hình thực hiện các nhiệm vụ, nâng cao chất lượng, các nhiệm vụ đã bám sát thực tiễn phát triển KT-XH của tỉnh. Công tác tuyên truyền, phổ biến kiến thức, chính sách và pháp luật về KH&CN đến các đối tượng quan tâm, có nhu cầu tiếp cận thông tin được chú trọng thực hiện. Công tác quản lý an toàn bức xạ hạt nhân được kiểm soát chặt chẽ; các cơ sở chụp, chiếu X-quang trong y tế thực hiện theo đúng quy định Nhà nước. Chương trình Phát triển tài sản trí tuệ tỉnh Kiên Giang đến năm 2030 đã tích cực hỗ trợ doanh nghiệp đăng ký xác lập quyền sở hữu công nghiệp, xây dựng nhãn hiệu tập thể đối với các sản phẩm chủ lực, đặc trưng, đặc sản của địa phương thúc đẩy phát triển năng lực cạnh tranh trên thị trường tiêu thụ. Công tác thẩm định, cho ý kiến về công nghệ các dự án đầu tư được thực hiện theo đúng yêu cầu; thẩm định công nghệ các dự án trên địa bàn tỉnh thực hiện tốt qua hình thức trực tuyến,... Công tác thông tin, tuyên truyền trong lĩnh vực KH&CN được thực hiện trên nhiều phương tiện, đa dạng về hình thức và phong phú về nội dung.

- Công tác quản lý đề tài, dự án KH&CN luôn đảm bảo quy định pháp luật. Việc thực hiện cơ chế đặt hàng đã giúp các đề tài, dự án triển khai bám sát thực tiễn, tác động tích cực đến phát triển các ngành, lĩnh vực cũng như kinh tế - xã hội của tỉnh (giải quyết việc làm, nghiên cứu sản xuất và ứng dụng IoT trong quản lý sản xuất, tự động hóa nhà máy xử lý rác, ứng dụng công nghệ thông minh trong sản xuất lúa chất lượng cao, lúa hữu cơ,...). Các đề tài, dự án thuộc lĩnh vực khoa học, tự nhiên, kỹ thuật, đặc biệt là trong các lĩnh vực kinh tế biển, nông nghiệp, thủy sản, du lịch,... ứng dụng thành tựu của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư đã mang lại hiệu quả thiết thực. Các đề tài, dự án thuộc lĩnh vực khoa học xã hội và nhân văn đã cung cấp cơ sở khoa học, tích cực phục vụ trong xây dựng, khai thác, quy hoạch,... của tỉnh. Công tác quản lý, thẩm định, đánh giá công nghệ trong các dự án đầu tư đã được thực hiện tích cực, hiệu quả (công nghệ xử lý nước, công nghệ xử lý rác, công nghệ tự động hóa sản xuất,...).

- Về phát triển tiềm lực KH&CN trong các ngành chủ lực đã đầu tư được tiếp tục, thường xuyên khai thác, sử dụng hiệu quả, nhất là trong hoạt động phân tích, kiểm nghiệm lý, hóa, sinh trong các phòng thí nghiệm, trong bảo vệ môi trường,...; luôn đảm bảo các cơ sở, trạm, trại thực nghiệm (Trại thực nghiệm KH&CN Mong Thọ, Trại sản xuất giống thủy sản Ba Hòn,...) luôn phát huy tốt; các trang thiết bị, máy móc thuộc lĩnh vực y tế tiếp tục được đầu tư nâng lên, phục vụ trong phòng, chống dịch bệnh Covid-19; các hoạt động dịch vụ KH&CN (phân tích, tư vấn,...) luôn phát triển và đáp ứng yêu cầu địa phương; các tổ chức hoạt động KH&CN, thành viên mạng lưới quỹ gen phần nhiều đã tích cực tham gia các hoạt động KH&CN, nâng cao tính chuyên nghiệp hóa trong hoạt động; số lượng và chất lượng nguồn nhân lực KH&CN ngày càng được nâng lên, việc quy tụ nhân lực, tập hợp tri thức luôn được quan tâm tham gia hoạt động nghiên cứu, ứng dụng, phát triển công nghệ, các Hội đồng tư vấn tuyển chọn, giao trực tiếp và đánh giá, nghiệm thu đề tài, dự án, tư vấn, phản biện xã hội,... Bên cạnh đó, thông qua các cuộc hội thảo khoa học, tập huấn công nghệ gắn với triển khai các đề tài, dự án đã góp phần nâng cao trình độ kỹ thuật của cán bộ địa phương, nông dân trong hoạt động sản xuất.

- Công tác quản lý Nhà nước về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng, an toàn bức xạ và hạt nhân luôn bám sát thực tiễn và đảm bảo quy định, tạo điều kiện thúc đẩy các cơ sở sản xuất, kinh doanh dịch vụ phát triển, thực hiện tốt theo quy định pháp luật. Công tác sáng kiến của tỉnh được ban hành đầy đủ các văn bản quy định và hoạt động của Hội đồng Sáng kiến cấp tỉnh hàng năm được thực hiện kịp thời và chặt chẽ.

- Ngành KH&CN đã tham mưu thực hiện tốt các Chương trình quốc gia hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng suất và chất lượng; Đề án “Triển khai, áp dụng và quản lý hệ thống truy xuất nguồn gốc” tỉnh Kiên Giang năm 2021; Đề án “Tăng cường, đổi mới hoạt động đo lường hỗ trợ doanh nghiệp Việt Nam nâng cao năng lực cạnh tranh và hội nhập quốc tế trên địa bàn tỉnh Kiên Giang năm 2021; triển khai thực hiện Quyết định số 36/QĐ-TTg ban hành Kế hoạch tổng thể nâng cao năng suất dựa trên nền tảng khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo giai đoạn 2021-2030; Kế hoạch số 55/KH-UBND ngày 18/3/2021 của UBND tỉnh Kiên

Giang thực hiện Chương trình hành động số 01-CTr/TU ngày 07 tháng 12 năm 2020 của Tỉnh ủy Kiên Giang thực hiện Nghị quyết số 52-NQ/TW ngày 27 tháng 9 năm 2019 của Bộ Chính trị về chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư; Quyết định số 2927/QĐ-UBND ngày 29/11/2021 của UBND tỉnh Kiên Giang về việc triển khai Chương trình phát triển sản phẩm quốc gia theo Quyết định số 157/QĐ-TTg ngày 01/02/2021 của Thủ tướng Chính phủ và ban hành Chương trình phát triển sản phẩm của tỉnh, mỗi xã một sản phẩm đến năm 2030;...

## **2. Tồn tại, hạn chế**

Mặc dù đã đạt được những kết quả nhất định, tuy nhiên do ảnh hưởng của tình hình dịch Covid-19 hoạt động KH&CN vẫn còn một số mặt hạn chế chưa đạt được yêu cầu, nhiệm vụ theo kế hoạch đề ra như:

- Năng lực hoạt động KH&CN của các tổ chức, viện, trường, trung tâm,...trong và ngoài tỉnh còn một số hạn chế, một số đề tài, dự án triển khai chậm so với kế hoạch; danh mục đề tài, dự án đặt hàng tập trung trên các vấn đề quan trọng, lĩnh vực chủ yếu của tỉnh, bám sát thực tiễn. Tuy nhiên, một số đề tài, dự án đặt hàng không có tổ chức, đơn vị đủ năng lực xây dựng hồ sơ tham gia tuyển chọn; một số đề tài, dự án có quy mô, tác động lớn đến kinh tế - xã hội trong danh mục mới được phê duyệt đặt hàng cũng không có tổ chức, đơn vị đủ năng lực tham gia.

- Tiềm lực KH&CN đã đầu tư cơ bản tiếp tục được khai thác, phát triển tốt nhưng trong thời gian qua chưa được tăng cường đầu tư, nâng cấp. Sự phát triển tiềm lực KH&CN chưa đáp ứng so với yêu cầu, việc đầu tư mới còn hạn chế.

- Các cuộc thanh tra, kiểm tra chuyên ngành chưa được triển khai theo kế hoạch đầu năm, phải điều chỉnh giảm các cuộc thanh tra, kiểm tra có liên quan trực tiếp đến doanh nghiệp theo tinh thần chỉ đạo của Thanh tra Chính phủ.

- Việc triển khai ISO điện tử vào hoạt động của các cơ quan hành chính còn chậm. Hoạt động kiểm tra; tuyên truyền, quảng bá cho doanh nghiệp đạt Giải thưởng chất lượng Quốc gia; hoạt động tuyên truyền Khu Dự trữ sinh quyển cũng bị ảnh hưởng nên không đạt theo kế hoạch.

## **3. Nguyên nhân**

Do ảnh hưởng của tình hình dịch Covid-19 phải thực hiện cách ly và giãn cách xã hội trong thời gian dài nên không thể triển khai các hoạt động theo kế hoạch.

Danh mục các nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh bắt đầu thực hiện từ năm 2022 chậm so với thời gian quy định. Bên cạnh đó, do phải bảo đảm an toàn trong công tác phòng chống dịch Covid-19 nên nhiều nhiệm vụ đang triển khai gặp khó khăn trong quá trình thực hiện các nội dung, hạng mục, công việc ngoài thực địa hoặc công việc yêu cầu phải tiếp xúc, tập trung đông người đã ảnh hưởng tiến độ, phải gia hạn, kéo dài thời gian thực hiện; một số tổ chức chủ trì, chủ nhiệm chưa chủ động, chậm trễ trong triển khai thực hiện nên công tác tổ chức đánh giá, nghiệm thu, tỷ lệ giải ngân kinh phí thực hiện các nhiệm vụ KH&CN đạt thấp so với kế hoạch.

## Phần II

### PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ CÔNG TÁC TRONG NĂM 2022

#### I. NHIỆM VỤ CÔNG TÁC NĂM TIẾP THEO

##### 1. Xây dựng cơ chế, chính sách, pháp luật về KH&CN

Tiếp tục xây dựng, vận dụng, thực hiện các cơ chế, chính sách về KH&CN đã được ban hành và triển khai xây dựng mới (nếu cần) nhằm giúp hoạt động KH&CN của địa phương ngày một hiệu quả, chất lượng.

##### 2. Hoạt động KH&CN

Tiếp tục thực hiện tốt cơ chế đặt hàng, tuyển chọn nhằm đưa các đề tài, dự án triển khai bám sát thực tiễn. Tập trung triển khai các đề tài, dự án KH&CN quan trọng, tác động lớn đến phát triển ngành, lĩnh vực, kinh tế - xã hội của tỉnh, các chỉ tiêu Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh; các chỉ tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh giai đoạn 2021 - 2025. Chủ yếu tập trung chuyển giao, ứng dụng, nghiên cứu, phát triển, làm chủ công nghệ trong các ngành, các lĩnh vực để thúc đẩy kinh tế phát triển bền vững và có chiều sâu; phát triển toàn diện thể mạnh sản xuất nông nghiệp, kinh tế biển, du lịch và công nghiệp; đặc biệt là công nghiệp chế biến nông thủy sản, công nghiệp cơ khí phục vụ nông nghiệp, nông thôn; Tiếp tục nghiên cứu, đề xuất triển khai có hiệu quả Đề án khung nhiệm vụ KH&CN về quỹ gen cấp tỉnh thực hiện giai đoạn 2021 - 2025; Nghiên cứu, phát triển toàn diện hệ sinh thái khởi nghiệp, khuyến khích và thúc đẩy tinh thần khởi nghiệp bằng đổi mới sáng tạo; phát triển thị trường KH&CN, hỗ trợ thương mại hóa các sản phẩm sáng tạo, kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ; Nghiên cứu, ứng dụng, đầu tư đổi mới công nghệ phục vụ sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, tạo liên kết chuỗi giá trị do doanh nghiệp làm hạt nhân; nghiên cứu, phát triển sự nghiệp văn hóa, giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa truyền thống; nâng cao chất lượng công tác bảo vệ và chăm sóc sức khỏe nhân dân; giải quyết tốt các vấn đề xã hội và đảm bảo an ninh, giữ vững ổn định chính trị - xã hội; Nghiên cứu, đề xuất đổi mới, nâng cao chất lượng giáo dục; phát triển và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực KH& của tỉnh; nghiên cứu cung cấp luận cứ khoa học, xây dựng cơ sở dữ liệu phục vụ việc hoạch định và đề xuất những chính sách, chiến lược phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, phát triển ngành theo hướng bền vững.

Tăng cường tập huấn nâng cao chất lượng, phát triển số lượng đội ngũ cán bộ kỹ thuật địa phương cũng như trình độ sản xuất của nông dân thông qua triển khai các đề tài, dự án KH&CN. Tạo điều kiện thúc đẩy, phát triển, nâng cao năng lực các tổ chức hoạt động KH&CN, các trường đại học, cao đẳng trong tỉnh.

Ngành KH&CN tiếp tục tham mưu thực hiện các chương trình, kế hoạch, đề án, ... của tỉnh, Trung ương giao; tham mưu rà soát các chính sách về phát triển KH&CN, tài sản trí tuệ, khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo; tập trung đầu tư phát triển tiềm lực KH&CN (vật lực và nhân lực) đáp ứng yêu cầu hiện tại cũng như tiến bộ xã hội trong tương lai.

Thực hiện tốt chương trình, kế hoạch,... về đổi mới công nghệ, phát triển và hoàn thiện thị trường công nghệ; nâng cao năng lực công nghệ và đổi mới sáng tạo của doanh nghiệp, khuyến khích, tạo điều kiện để doanh nghiệp tham gia nghiên cứu, phát triển và chuyển giao KH&CN; tăng cường sự liên kết, hợp tác giữa các trường đại học, viện nghiên cứu và doanh nghiệp theo chủ trương lấy doanh nghiệp làm trung tâm cho hoạt động KH&CN; phát triển và xã hội hóa mạnh các hoạt động dịch vụ KH&CN đặc biệt là dịch vụ tư vấn, môi giới, đánh giá, thẩm định và giám định công nghệ, các dịch vụ về sở hữu trí tuệ và tiêu chuẩn đo lường chất lượng,...

Linh hoạt, chủ động trong công tác quản lý nhiệm vụ KH&CN đảm bảo hiệu quả thực hiện và phù hợp tình hình dịch bệnh Covid-19.

### **3. Phát triển tiềm lực KH&CN**

Tiếp tục khai thác, sử dụng có hiệu quả tiềm lực cơ sở vật chất KH&CN của tỉnh, nhất là việc chia sẻ, hợp tác sử dụng các trang thiết bị, công nghệ, các phòng thí nghiệm, trạm, trại thực nghiệm và các trường đại học, cao đẳng trong tỉnh.

Tiếp tục thực hiện có hiệu quả về cơ chế quản lý đầu tư và tài chính cho KH&CN phù hợp với đặc thù theo hướng chú trọng đầu tư cho các tổ chức sự nghiệp KH&CN hoạt động theo cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm, phát huy vai trò nòng cốt của các tổ chức trong hoạt động KH&CN; tập trung đầu tư tạo ra công nghệ mới, sản phẩm công nghệ cao góp phần quan trọng vào chuyển dịch cơ cấu kinh tế của tỉnh; đẩy mạnh công tác phổ biến, chuyển giao và ứng dụng các kết quả nghiên cứu khoa học, tiến bộ KH&CN vào thực tế sản xuất và đời sống; đặt hàng giải quyết những vấn đề bức xúc của tỉnh và các vấn đề liên quan đến phát triển bền vững, ứng phó biến đổi khí hậu và hội nhập kinh tế quốc tế.

Đẩy mạnh tăng cường đầu tư kinh phí cho hoạt động KH&CN, phát triển tiềm lực KH&CN, thực hiện các cơ chế, chính sách liên quan đến đào tạo, bồi dưỡng, sử dụng, trọng dụng, đãi ngộ và tôn vinh trí thức về KH&CN.

### **4. Hoạt động tiêu chuẩn đo lường chất lượng**

Ban hành Quy chuẩn kỹ thuật địa phương đối với Nước mắm Phú Quốc và tiếp tục tổ chức xây dựng Quy chuẩn kỹ thuật địa phương đối với Chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt.

Ban hành các kế hoạch triển khai thực hiện việc áp dụng HTQLCL theo TCVN ISO 9001:2015 vào hoạt động của các cơ quan hành chính của tỉnh; thực hiện Chương trình quốc gia hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa của doanh nghiệp tỉnh Kiên Giang năm 2022; thực hiện Đề án triển khai, áp dụng và quản lý hệ thống truy xuất nguồn gốc, Đề án "Tăng cường, đổi mới hoạt động đo lường hỗ trợ doanh nghiệp Việt Nam nâng cao năng lực cạnh tranh và hội nhập quốc tế" tỉnh Kiên Giang.

Xây dựng kế hoạch và triển khai hoạt động xét tặng Giải thưởng Chất lượng Quốc gia năm 2022 và triển khai thực hiện các nhiệm vụ theo hướng dẫn của Bộ KH&CN.





Tổ chức 03 cuộc kiểm tra nhà nước về đo lường, chất lượng hàng hóa lưu thông trên thị trường.

Tổ chức phổ biến văn bản quy phạm pháp luật mới về tiêu chuẩn đo lường chất lượng cho các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh; tiếp nhận hồ sơ công bố hợp chuẩn, hợp quy của doanh nghiệp; hướng dẫn doanh nghiệp xây dựng tiêu chuẩn cơ sở, ghi nhãn hàng hóa, mã số mã vạch.

Đưa thông báo của các nước WTO liên quan đến sản phẩm nông sản và các thông tin cảnh báo lên Trang thông tin quản lý chất lượng sản phẩm hàng hóa tỉnh Kiên Giang.

### **5. Hoạt động sở hữu trí tuệ**

Triển khai tốt kế hoạch giai đoạn 2021 - 2025, đẩy mạnh hỗ trợ việc xây dựng và phát triển nhãn hiệu tập thể; tuyên truyền, vận động doanh nghiệp phát triển nhãn hiệu tập thể đã được chứng nhận, tuyên truyền vận động các doanh nghiệp, đơn vị trong tỉnh tham gia kế hoạch phát triển tài sản trí tuệ; xây dựng kế hoạch xác lập quyền sở hữu công nghiệp đối với các sản phẩm đặc trưng, chủ lực của tỉnh.

Hướng dẫn thành lập và chứng nhận doanh nghiệp KH&CN trên địa bàn theo quy định của pháp luật.

### **6. Hoạt động phát triển ứng dụng năng lượng nguyên tử, an toàn bức xạ và hạt nhân**

Triển khai tốt công tác quản lý nhà nước đối với các cơ sở sử dụng thiết bị có nguồn phóng xạ. Tiếp nhận, thẩm định hồ sơ tham mưu cấp giấy phép hoạt động cho các cơ sở theo quy định của pháp luật.

### **7. Công tác thanh tra, kiểm tra trong lĩnh vực KH&CN**

Tăng cường các cuộc thanh tra, kiểm tra nhà nước về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng, sở hữu trí tuệ, an toàn bức xạ và hạt nhân và hoạt động quản lý Nhà nước về KH&CN trên địa bàn tỉnh (tổ chức 04 cuộc thanh tra trong các lĩnh vực tiêu chuẩn đo lường, chất lượng và nhãn hàng hoá, an toàn bức xạ và hạt nhân theo kế hoạch đã được phê duyệt).

### **8. Hoạt động hợp tác và hội nhập quốc tế**

Tiếp tục phối hợp với các tổ chức trong nước và quốc tế (IUCN, VESDI) triển khai các đề tài, dự án đang triển khai trong Khu Dự trữ sinh quyển Kiên Giang.

## **II. GIẢI PHÁP, KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT**

### **1. Giải pháp thực hiện**

Tăng cường vai trò lãnh đạo của Đảng, quản lý của Nhà nước đối với sự nghiệp phát triển KH&CN. Phải thực sự coi phát triển KH&CN là nhiệm vụ chính trị then chốt và thường xuyên của chính quyền các cấp; tổ chức phân công cụ thể và gán trách nhiệm cho cán bộ phụ trách chỉ đạo, tìm ra những biện pháp thực hiện có hiệu quả để phát triển KH&CN tại cơ quan, đơn vị, địa phương.



Chủ động, linh hoạt trong công tác quản lý nhà nước về KH&CN phù hợp với tình hình dịch bệnh Covid-19 cũng như thực tiễn của địa phương nhằm đạt hiệu quả cũng như các chỉ tiêu của kế hoạch năm.

Tăng cường công tác quy hoạch, đào tạo nâng cao năng lực cho cán bộ quản lý, chuyên môn nghiệp vụ về KH&CN; hoàn thiện các cơ chế, chính sách đãi ngộ cho đội ngũ cán bộ KH&CN, thu hút nguồn nhân lực.

Chủ động xây dựng và tìm hiểu, nắm bắt thông tin về các chương trình, dự án hợp tác quốc tế về KH&CN của Chính phủ, Bộ, ngành Trung ương, các viện nghiên cứu để đề xuất triển khai trên địa bàn tỉnh; tăng cường phối hợp với các đơn vị KH&CN ngoài tỉnh để chuyển giao, ứng dụng tiến bộ KH&CN trên địa bàn tỉnh.

## 2. Kiến nghị, đề xuất

- Bộ KH&CN sớm ban hành Thông tư hướng dẫn quản lý nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh và cấp cơ sở sử dụng ngân sách nhà nước tại các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương để địa phương áp dụng.

- Bộ KH&CN định hướng, hỗ trợ triển khai các nhiệm vụ KH&CN liên kết vùng, địa phương nhằm khai thác tiềm năng, phát huy lợi thế so sánh, góp phần phát triển các địa phương trong vùng và của tỉnh.

- Bộ KH&CN sớm trình Thủ tướng Chính phủ quyết định thay thế Quyết định số 19/2014/QĐ-TTg ngày 05/3/2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc áp dụng HTQCL theo Tiêu chuẩn Quốc gia TCVN ISO 9001:2008 vào hoạt động của các cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước. Trong Quyết định nên chỉ đạo việc triển khai ứng dụng công nghệ thông tin kết hợp HTQCL (ISO điện tử).

- Bộ KH&CN phối hợp với Bộ Tài chính ban hành hướng dẫn quy định quản tài chính thực hiện Đề án triển khai, áp dụng và quản lý hệ thống truy xuất nguồn gốc và Đề án “Tăng cường, đổi mới hoạt động đo lường hỗ trợ doanh nghiệp Việt Nam nâng cao năng lực cạnh tranh và hội nhập quốc tế”.

- Bộ KH&CN sớm ban hành thông tư quy định về truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa; các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia có liên quan về truy xuất nguồn gốc đối với nông sản, thủy hải sản...; hoàn chỉnh và đưa vào vận hành Cổng thông tin truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa Quốc gia. /

### Nơi nhận:

- Bộ KH&CN;
- TT. Tỉnh ủy;
- TT. HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh;
- CT và các PCT. UBND tỉnh;
- Sở, ban, ngành tỉnh;
- UBND các huyện, thành phố;
- LĐVP; P.KGVX, P.TH;
- Lưu: VT, nvthanh.

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Lưu Trung**

Biểu số 01.01/KHCNĐP-NCKH

**KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU KHOA HỌC  
VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ**

Kỳ báo cáo: Năm 2021

(Từ ngày 15 tháng 12 năm 2020 đến ngày 14 tháng 12 năm 2021)

Đơn vị báo cáo: \_\_\_\_\_

UBND cấp tỉnh

Đơn vị nhận báo cáo:

Bộ KH&amp;CN

**1. Kết quả hoạt động nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ**

STT	Nội dung	Đơn vị chủ trì, tác giả	Tóm tắt nội dung	Ghi chú
I	Bài báo, công bố, giải pháp, kiến nghị, ấn phẩm khoa học			Không
II	Sáng chế, giải pháp hữu ích; các loại giống mới; các loại vắc xin mới, chế phẩm mới; các bản vẽ thiết kế mới, mẫu máy, thiết bị mới			Không
III	Doanh nghiệp KH&CN được thành lập			Năm 2021 không thành lập mới doanh nghiệp KH&CN, lũy kế có 02 doanh nghiệp KH&CN
IV	Hoạt động ứng dụng đổi mới công nghệ điển hình			Không
1	Sản phẩm chủ lực, sản phẩm trọng điểm đang được hỗ trợ phát triển thông qua các nhiệm vụ KH&CN			
2	Đổi mới công nghệ, ứng dụng công nghệ vào sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp			
3	Dự án đầu tư trang thiết bị, công nghệ; dự án tăng cường năng lực nghiên cứu			
V	Kết quả khác			

**2. Kết quả hoạt động KH&CN nổi bật tại địa phương**

BAN N. 1

STT	Tên sản phẩm/ công trình/công nghệ	Xuất xứ (Ghi rõ xuất xứ của nhiệm vụ ...)	Hiệu quả kinh tế-xã hội (Giải trình chi tiết giá trị làm lợi so sánh với sản phẩm công nghệ cùng loại, ý nghĩa kinh tế xã hội, môi trường...)	Ghi chú
1	Ứng dụng khoa học công nghệ xây dựng mô hình ương giống, nuôi thương phẩm cá chim vây vàng ( <i>Trachinotus blochii</i> ) trong lồng trên biển quy mô công nghiệp tại huyện Phú Quốc, Kiên Giang	Thuộc Chương trình NTMN	Dự án đã đào tạo 10 kỹ thuật viên ấp trứng, kỹ thuật ương cá bột lên cá hương, kỹ thuật ương cá hương lên cá giống, kỹ thuật chọn lựa con giống, mật độ nuôi, thức ăn cho cá, chăm sóc cá hằng ngày, vệ sinh lồng nuôi, vệ sinh khu vực ương nuôi; triển khai nuôi thương phẩm trên 04 lồng nuôi chu vi 60 mét, với số lượng 300.000 con cá chim giống (đợt 1: 150.000 con, đợt 2: 150.000 con). Đang trong quá trình triển khai thực hiện mô hình nuôi nuôi thương phẩm cá chim vây vàng và theo dõi các chỉ tiêu kỹ thuật.	
2	Nghiên cứu đề xuất và ứng dụng mô hình cấp nước hiệu quả, bền vững phục vụ sinh hoạt và sản xuất cho các đảo lớn thuộc quần đảo Nam Du, tỉnh Kiên Giang.	Đề tài độc lập cấp quốc gia	Nhóm thực hiện đã khảo sát thành lập sơ đồ địa chất khu vực đảo Hòn Lớn, đảo Hòn Ngang và đảo Hòn Mấu thuộc quần đảo Nam Du; khảo sát địa vật lý xác định cấu trúc chứa nước và có khả năng chứa nước (cho 02 đảo Hòn Lớn và Hòn Mấu); Nghiên cứu cấu trúc địa chất thủy văn và đánh giá tài nguyên nước dưới đất (cho 02 đảo Hòn Lớn và Hòn Mấu); Đã đề xuất giải pháp lưu giữ, bổ cập, khai thác và bảo vệ nguồn nước mặt và nước ngầm theo hướng bền vững cho các đảo lớn thuộc quần đảo Nam Du, tỉnh Kiên Giang. Hiện đang triển khai xây dựng mô hình cấp nước sinh hoạt hiệu quả, bền vững cho 100 - 150 hộ dân tại một đảo lớn của quần đảo Nam Du, tỉnh Kiên Giang.	
3	Thu thập, lưu giữ, bảo tồn nguồn gen cá ngựa ( <i>Hippocampus kuda</i> ) tại tỉnh Kiên Giang	Thuộc đề án bảo tồn gen động, thực vật của tỉnh	Dự án đã điều tra, khảo sát tình hình khai thác cá ngựa trên địa bàn tỉnh Kiên Giang; tổ chức xây dựng và hoàn thiện các quy trình kỹ thuật nuôi thức ăn tự nhiên phục vụ sản xuất giống, quy trình nuôi vỗ cá ngựa bố mẹ, quy trình sản xuất giống và nuôi thương phẩm cá ngựa theo hướng bảo tồn; nuôi cá ngựa thương phẩm đạt trên 1.000 con; cá ngựa bố mẹ đạt 50 cặp; thả 300 cá ngựa trưởng thành về tự nhiên; đào tạo 05 kỹ thuật viên, phổ biến kết quả cho 70 lượt người tham gia; phối hợp đào tạo 05 sinh viên tốt nghiệp ngành Nuôi trồng thủy sản; có 02 bài báo khoa học được đăng tải; phối hợp thực hiện 01 chuyên mục trên sóng Đài Phát thanh và Truyền hình Kiên Giang.	

STT	Tên sản phẩm/ công trình/công nghệ	Xuất xứ (Ghi rõ xuất xứ của nhiệm vụ ...)	Hiệu quả kinh tế-xã hội (Giải trình chi tiết giá trị làm lợi so sánh với sản phẩm công nghệ cùng loại, ý nghĩa kinh tế xã hội, môi trường...)	Ghi chú
4	Nghiên cứu và đề xuất giải pháp nâng cao vai trò của Phụ nữ Kiên Giang trong gia đình thời kỳ mới	Thuộc nhiệm vụ đặt hàng 2018 của tỉnh	Đề tài đã điều tra, khảo sát đánh giá thực trạng về năng lực, phẩm chất và vai trò của phụ nữ; đề xuất các giải pháp nhằm nâng cao năng lực, phẩm chất và vai trò của phụ nữ Kiên Giang trong gia đình thời kỳ mới; biên soạn tài liệu tập huấn và 01 bộ cẩm nang bồi dưỡng các kỹ năng chăm sóc, bảo vệ và xây dựng gia đình hạnh phúc; tổ chức tập huấn, bồi dưỡng các kỹ năng cho 120 lượt phụ nữ thuộc ba nhóm đối tượng (phụ nữ nông thôn; phụ nữ công nhân; phụ nữ công chức/viên chức); triển khai mô hình thí điểm dựa trên cơ sở các lớp tập huấn bồi dưỡng; tổ chức 05 cuộc hội thảo khoa học với 250 lượt phụ nữ tham dự; có 02 bài báo khoa học được đăng tải; phối hợp thực hiện 01 chuyên mục trên sóng Đài Phát thanh và Truyền hình Kiên Giang; phát hành 300 quyển cẩm nang bồi dưỡng cho các sở, ngành và Hội Liên hiệp Phụ nữ cơ sở.	
5	Nghiên cứu ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật nuôi tôm chân trắng ( <i>Litopenaeus vannamei</i> ) công nghiệp đạt tiêu chuẩn VietGAP trên địa bàn tỉnh Kiên Giang.	Thuộc nhiệm vụ đặt hàng 2018 của tỉnh	Đề tài đã điều tra, khảo sát đánh giá thực trạng nuôi tôm công nghiệp, bán công nghiệp, truyền thống trên địa bàn tỉnh; xây dựng và hoàn thiện quy trình kỹ thuật nuôi tôm chân trắng công nghiệp đạt tiêu chuẩn VietGAP; triển khai mô hình nuôi tôm chân trắng công nghiệp đạt tiêu chuẩn VietGAP tại 18 điểm với năng suất tôm nuôi đạt 32,9 tấn/ha; đào tạo 20 kỹ thuật viên; tập huấn cho 210 lượt nông dân; hội thảo phổ biến kết quả cho 100 lượt nông dân; có 01 bài báo khoa học được đăng tải; phối hợp thực hiện 01 chuyên mục trên sóng Đài Phát thanh và Truyền hình Kiên Giang.	
6	Ứng dụng tiến bộ kỹ thuật triển khai mô hình trồng nấm rơm ( <i>Volvariella volvacea</i> ) trong nhà tại huyện Tân Hiệp	Thuộc nhiệm vụ cơ sở năm 2020	Đề tài đã hoàn thiện quy trình kỹ thuật trồng nấm rơm trong nhà phù hợp điều kiện địa phương; triển khai mô hình trồng nấm rơm trong nhà kín, có mái che, có hệ thống tưới phun sương, có hệ thống máy sưởi, có thiết bị theo dõi nhiệt độ và ẩm độ tại 01 hộ dân với tổng khối lượng nấm rơm thu hoạch của 2 vụ là 1.211 kg; tập huấn cho 30 lượt nông dân; hội thảo phổ biến kết quả cho hơn 20 lượt nông dân.	

STT	Tên sản phẩm/ công trình/công nghệ	Xuất xứ (Ghi rõ xuất xứ của nhiệm vụ ...)	Hiệu quả kinh tế-xã hội (Giải trình chi tiết giá trị làm lợi so sánh với sản phẩm công nghệ cùng loại, ý nghĩa kinh tế xã hội, môi trường...)	Ghi chú
7	Ứng dụng tiến bộ kỹ thuật thử nghiệm mô hình nuôi tôm càng xanh ( <i>Macrobrachium rosenbergii</i> ) bán thâm canh 2 giai đoạn tại huyện Hòn Đất	Thuộc nhiệm vụ cơ sở năm 2020	Dự án hoàn thiện quy trình kỹ thuật nuôi tôm càng xanh bán thâm canh 2 giai đoạn phù hợp điều kiện địa phương; triển khai mô hình nuôi tôm càng xanh bán thâm canh 2 giai đoạn tại 02 hộ dân với năng suất tôm bình quân đạt 960 kg/ha; tập huấn cho 20 lượt nông dân.	
8	Ứng dụng công nghệ xử lý nước uống tại Ban Chỉ huy Quân sự huyện An Biên	Thuộc nhiệm vụ cơ sở năm 2020	Hoàn thành hệ thống xử lý nước bằng công nghệ RO từ tính, chất lượng nước sau xử lý đảm bảo theo QCVN 6-1:2010/BYT với công suất 500 lít/giờ (tối đa là 750 lít/giờ). Hoàn chỉnh quy trình xử lý nước uống bằng công nghệ RO từ tính bàn giao cho Ban Chỉ huy Quân sự huyện An Biên.	
9	Ứng dụng tiến bộ Khoa học xây dựng quy trình nhân giống và nuôi trồng nấm Trân Châu ( <i>Agrocybe aegerita</i> ) tại tỉnh Kiên Giang	Thuộc nhiệm vụ cơ sở năm 2020	Dự án đã tiếp nhận chuyển giao thành công quy trình sản xuất phôi và quy trình trồng nấm Trân Châu vào điều kiện thực tế tại địa phương. Kết quả đã triển khai sản xuất 7708 bịch phôi. Phôi được ươm tơ trong điều kiện nhiệt độ duy trì từ 26-28°C, độ ẩm môi trường 65-70%, thời gian lan kén tơ của phôi nấm từ 27-32 ngày sau cấy. Mô hình trồng được triển khai trong 02 vụ với tổng số lượng phôi 7059 bịch với năng suất trung bình là 44,09 g/bịch phôi. Hoàn thiện quy trình kỹ thuật nhân giống cấp 1, cấp 2, cấp 3 nấm Trân Châu và quy trình kỹ thuật sản xuất phôi và trồng nấm Trân Châu. Đã đào tạo 03 Cán bộ kỹ thuật của Trung tâm Khoa học, Công nghệ và Môi trường.	

Biểu số 01.02/KHCNĐP-TĐ

**KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH CƠ SỞ KHOA HỌC  
VÀ THẨM ĐỊNH CÔNG NGHỆ**

Kỳ báo cáo: Năm 2021

(Từ ngày 15 tháng 12 năm 2020 đến ngày 14 tháng 12 năm 2021)

Đơn vị báo cáo: \_\_\_\_\_

UBND cấp tỉnh

Đơn vị nhận báo cáo: \_\_\_\_\_

Bộ KH&amp;CN

**1. Kết quả thẩm định cơ sở khoa học Chương trình phát triển kinh tế - xã hội (KT-XH): Không có.**

STT	Tên chương trình phát triển KT-XH	Thẩm quyền quyết định phê duyệt chương trình phát triển KT-XH	Cơ quan đề nghị thẩm định cơ sở khoa học chương trình phát triển KT-XH	Nguồn vốn và giá trị thực hiện chương trình phát triển KT-XH	Ghi chú
1					

**2. Kết quả thẩm định công nghệ dự án đầu tư**

**2.1. Đối với dự án đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư:**

STT	Tên dự án; tên, địa chỉ nhà đầu tư; địa điểm thực hiện dự án đầu tư	Tổng mức đầu tư	Tên, xuất xứ công nghệ chính của dự án	Quy mô, công suất, sản phẩm của dự án	Dự án có nhập khẩu máy móc, thiết bị cũ, đã qua sử dụng (tích dấu "X")	Dự án có công nghệ thuộc Danh mục công nghệ khuyến khích/hạn chế chuyển giao (ghi thuộc Danh mục công nghệ khuyến khích hoặc hạn chế chuyển giao nếu có)	Dự án bị từ chối (nếu lý do từ chối: công nghệ, máy móc thiết bị không đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; hoặc không phù hợp quy hoạch; ...)	Ghi chú	
								Ghi "giai đoạn quyết định chủ trương đầu tư" hoặc "giai đoạn quyết định đầu tư"	(ghi "thẩm định" hoặc ghi "có ý kiến")
I	Dự án do cơ quan chuyên môn về KH&CN (Sở KH&CN) chủ trì thẩm định hoặc có ý kiến về công nghệ								
II	Dự án do cơ quan chuyên môn của UBND cấp tỉnh (Sở hoặc cơ quan tương đương Sở quản lý ngành, lĩnh vực) chủ trì thẩm định hoặc có ý kiến về công nghệ								

Ý KIẾN

1	Nhà máy cấp nước liên xã Vĩnh Tuy - Vĩnh Thắng của Công ty TNHH MTV Cấp nước Vĩnh Thắng tại xã Vĩnh Thắng, huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang.	20 tỷ	Cụm xử lý Lamien	75 m <sup>3</sup> /h		Khuyến khích		Giai đoạn quyết định chủ trương đầu tư	Có ý kiến
2	Dự án nhà máy xử lý rác thải và sản xuất sản phẩm năng lượng tái tạo từ rác - công suất 100 tấn/ngày tại ấp Trà Phô, xã Phú Mỹ, huyện Giang Thành, tỉnh Kiên Giang.	54 tỷ	Thủy phân nhiệt	300 tấn /ngày		Khuyến khích		Giai đoạn quyết định chủ trương đầu tư	Có ý kiến
3	Lò hỏa táng tại Chùa Thứ 3, huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang.	40 tỷ	Lò hỏa táng Craword - Mỹ	≥200 kg/h		Khuyến khích		Giai đoạn quyết định chủ trương đầu tư	Có ý kiến



Biểu số 01.03/KHCNDP-TĐNV

**THẨM ĐỊNH KẾT QUẢ THỰC HIỆN  
NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ  
KHÔNG SỬ DỤNG NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC**

*Kỳ báo cáo: Năm 2021*

*(Từ ngày 15 tháng 12 năm 2020 đến ngày 14 tháng 12 năm 2021)*

Đơn vị báo cáo: .....

Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

Đơn vị nhận báo cáo:

Bộ Khoa học và Công nghệ

**1. Về thẩm định các kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN không sử dụng ngân sách nhà nước: Không có.**

STT	Tên nhiệm vụ KH&CN	Thông tin về tổ chức/ cá nhân đề nghị thẩm định	Thời gian thực hiện nhiệm vụ	Địa điểm thực hiện nhiệm vụ	Kết quả thực hiện	
					Cấp Giấy xác nhận thẩm định kết quả thực hiện nhiệm vụ (số, ngày cấp)	Không cấp Giấy xác nhận thẩm định kết quả thực hiện nhiệm vụ (tích dấu "X")
1						
...						

**2. Về đánh giá và thẩm định các kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN không sử dụng ngân sách nhà nước: Không có.**

STT	Tên nhiệm vụ KH&CN	Thông tin về tổ chức/ cá nhân đề nghị đánh giá	Thời gian thực hiện nhiệm vụ	Địa điểm thực hiện nhiệm vụ	Kết quả thực hiện	
					Cấp Giấy xác nhận đánh giá và thẩm định (số, ngày cấp)	Không cấp Giấy xác nhận đánh giá và thẩm định (tích dấu "X")
1						
...						

**KẾT QUẢ CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ  
HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ**

Kỳ báo cáo: Năm 2021

(Từ ngày 15 tháng 12 năm 2020 đến ngày 14 tháng 12 năm 2021)

**Đơn vị báo cáo:**

Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

**Đơn vị nhận báo cáo:**

Bộ Khoa học và Công nghệ

STT	Tên tổ chức KH&CN	Số Giấy chứng nhận	Ngày cấp	Cơ quan quản lý trực tiếp	Hình thức		
					Cấp mới	Thay đổi, bổ sung	Hủy bỏ hiệu lực/ Giải thể
1							
	<b>Tổng số</b>				...	...	...

Biểu số 01.05/KHCNDP-DNKHCN

**TÌNH HÌNH CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN  
DOANH NGHIỆP KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ  
VÀ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT, KINH DOANH  
CỦA DOANH NGHIỆP KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ**

*Kỳ báo cáo: Năm 2021*

*(Từ ngày 15 tháng 12 năm 2020 đến ngày 14 tháng 12 năm 2021)*

Đơn vị báo cáo: \_\_\_\_\_

Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

Đơn vị nhận báo cáo:

Bộ Khoa học và Công nghệ

**1. Tình hình cấp Giấy chứng nhận doanh nghiệp KH&CN**

Số lượng hồ sơ đăng ký chứng nhận doanh nghiệp KH&CN đã tiếp nhận và xử lý (từ ngày.../.../... đến ngày.../.../...)<sup>1</sup>: Không có.

STT	Tên doanh nghiệp	Địa chỉ, điện thoại liên hệ	Thời gian thành lập và hoạt động	Người đại diện doanh nghiệp	Ngày nộp hồ sơ	Kết quả KH&CN đề nghị công nhận doanh nghiệp KH&CN			Tình trạng xử lý hồ sơ (đã cấp/không cấp/ đang thẩm định) <sup>2</sup>
						Tên kết quả KH&CN	Nguồn gốc kinh phí (từ ngân sách nhà nước hay từ nguồn khác)	Tình trạng bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ	
1									

**2. Kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh của các doanh nghiệp đã được cấp Giấy chứng nhận doanh nghiệp KH&CN**

*Đơn vị tính: triệu đồng<sup>3</sup>*

<sup>1</sup> Ngày theo kỳ báo cáo.<sup>2</sup> Nếu không cấp đề nghị ghi rõ lý do.<sup>3</sup> Sử dụng dấu chấm để phân chia hàng nghìn, dấu phẩy để chia số thập phân.

STT	Tên doanh nghiệp (ghi rõ nguồn gốc hình thành doanh nghiệp) <sup>4</sup>	Tình trạng (đang hoạt động/ngừng hoạt động/ giải thể/ phá sản/ đã thu hồi Giấy chứng nhận doanh nghiệp KH&CN)	Tình trạng sở hữu <sup>5</sup>	Tổng kinh phí đầu tư cho KH&CN của năm <sup>6</sup>	Danh mục sản phẩm hình thành từ kết quả KH&CN	Tổng doanh thu (triệu đồng)	Doanh thu của sản phẩm hình thành từ kết quả KH&CN (triệu đồng)	Tổng lợi nhuận trước thuế (triệu đồng)	Lợi nhuận trước thuế của sản phẩm hình thành từ kết quả KH&CN (triệu đồng)	Thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn, giảm (triệu đồng)	Tiền thuê đất được miễn, giảm (triệu đồng)	Vay vốn tín dụng ưu đãi <sup>7</sup> (triệu đồng)	Trích lập quỹ phát triển KH&CN (triệu đồng)	Thực hiện nhiệm vụ KH&CN sử dụng ngân sách nhà nước (triệu đồng) <sup>8</sup>	Các ưu đãi, hỗ trợ khác (mà doanh nghiệp được hưởng)	Tổng số lao động (người)
1	Công ty TNHH MTV Sản xuất và Thương mại HPQ Phú Quốc	Đang hoạt động	Doanh nghiệp không có vốn nhà nước	150 triệu	Nước cốt chanh chỉ mật ong, trà chanh chỉ túi lọc  Sản phẩm đang nghiên cứu: nước cốt chanh, kem dưỡng da chanh chỉ, hạt nêm chanh bảo quản	120 triệu	80 triệu	-155 triệu	-23 triệu							6 người (lao động khoán ngày không lương hàng tháng, không tham gia bảo hiểm xã hội)

<sup>4</sup> Ghi rõ: - Doanh nghiệp mới thành lập (dưới 5 năm);  
- Doanh nghiệp chuyển đổi từ tổ chức KH&CN công lập;  
- Hoặc doanh nghiệp chuyển đổi từ doanh nghiệp đang hoạt động.

<sup>5</sup> Ghi rõ: Doanh nghiệp có vốn nhà nước hoặc doanh nghiệp không có vốn nhà nước.

<sup>6</sup> Tổng kinh phí đầu tư cho KH&CN của năm: bao gồm kinh phí đầu tư cho hoạt động nghiên cứu và phát triển, chuyển giao công nghệ, đổi mới, ứng dụng công nghệ.

<sup>7</sup> Vay vốn tín dụng ưu đãi: nêu số vốn được vay từ Ngân hàng phát triển Việt Nam và các quỹ phát triển KH&CN của nhà nước.

<sup>8</sup> Đối với việc thực hiện nhiệm vụ KH&CN (dự án, dự án sản xuất thử nghiệm) sử dụng ngân sách nhà nước: nêu mức kinh phí được ngân sách nhà nước cấp để thực hiện nhiệm vụ.

STT	Tên doanh nghiệp (ghi rõ nguồn gốc hình thành doanh nghiệp) <sup>4</sup>	Tình trạng (đang hoạt động/ngừng hoạt động/ giải thể/ phá sản/ đã thu hồi Giấy chứng nhận doanh nghiệp KH&CN)	Tình trạng sở hữu <sup>5</sup>	Tổng kinh phí đầu tư cho KH&CN của năm <sup>6</sup>	Danh mục sản phẩm hình thành từ kết quả KH&CN	Tổng doanh thu (triệu đồng)	Doanh thu của sản phẩm hình thành từ kết quả KH&CN (triệu đồng)	Tổng lợi nhuận trước thuế (triệu đồng)	Lợi nhuận trước thuế của sản phẩm hình thành từ kết quả KH&CN (triệu đồng)	Thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn, giảm (triệu đồng)	Tiền thuê đất được miễn, giảm (triệu đồng)	Vay vốn tín dụng ưu đãi <sup>7</sup> (triệu đồng)	Trích lập quỹ phát triển KH&CN (triệu đồng)	Thực hiện nhiệm vụ KH&CN sử dụng ngân sách nhà nước (triệu đồng) <sup>8</sup>	Các ưu đãi, hỗ trợ khác (mà doanh nghiệp được hưởng)	Tổng số lao động (người)
2	Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Thương mại, dịch vụ và xuất nhập khẩu Trần Phú.	Đang hoạt động														

Biểu số 01.06/KHCNĐP-NLKHCN

**TÌNH HÌNH, KẾT QUẢ PHÁT TRIỂN  
NHÂN LỰC KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ**

*Kỳ báo cáo: Năm 2021*

*(Từ ngày 15 tháng 12 năm 2020 đến ngày 14 tháng 12 năm 2021)*

Đơn vị báo cáo: ...

Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

Đơn vị nhận báo cáo:

Bộ Khoa học và Công nghệ

**1. Tình hình, kết quả thực hiện chính sách sử dụng, trọng dụng cá nhân hoạt động KH&CN**

STT	Nội dung	Số lượng (người)	Kinh phí (triệu đồng)
<b>I</b>	<b>Tuyển dụng đặc cách</b>		
<b>II</b>	<b>Bố trí, sử dụng cán bộ KH&amp;CN</b>		
1	Giao chủ trì nhiệm vụ KH&CN		
2	Bố trí, quy hoạch vị trí lãnh đạo trong tổ chức		
<b>III</b>	<b>Tạo môi trường, điều kiện thuận lợi cho hoạt động KH&amp;CN của đội ngũ cán bộ KH&amp;CN</b>		
1	Hỗ trợ kinh phí bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ; chuyển giao, chuyển nhượng kết quả hoạt động KH&CN theo quy định của pháp luật về sở hữu trí tuệ và chuyển giao công nghệ; công bố kết quả hoạt động KH&CN		
2	Đầu tư đổi mới phương tiện, trang thiết bị, vật tư, phòng thí nghiệm, cơ sở thực nghiệm của tổ chức KH&CN		
3	Hỗ trợ cá nhân hoạt động KH&CN tham gia hội thảo khoa học trong nước, quốc tế tham gia các chương trình, dự án đầu tư, hợp tác KH&CN		
<b>IV</b>	<b>Thực hiện chính sách sử dụng, trọng dụng cá nhân hoạt động KH&amp;CN</b>		
1	Về nâng lương vượt bậc	05	
2	Về đặc cách bổ nhiệm vào chức danh nghề nghiệp cao hơn không qua thi thăng hạng, không phụ thuộc vào năm công tác	0	
3	Về kéo dài thời gian công tác khi đến tuổi nghỉ chế độ	0	
4	Về nhà khoa học đầu ngành	0	

STT	Nội dung	Số lượng (người)	Kinh phí (triệu đồng)
5	Về nhà khoa học được giao chủ trì nhiệm vụ KH&CN cấp quốc gia đặc biệt quan trọng	0	
6	Về nhà khoa học trẻ tài năng	0	
7	Về kết quả thực hiện việc đào tạo, bồi dưỡng đối với cán bộ KH&CN		
7.1	Nâng cao trình độ chuyên môn	0	
7.2	Kỹ năng quản lý KH&CN	12	
7.3	Đào tạo theo nhóm nghiên cứu	0	

## 2. Tình hình, kết quả đào tạo nhân lực KH&CN

STT	Nội dung	Số lượng (người)		Kinh phí (triệu đồng)
		Đào tạo trong nước	Đào tạo nước ngoài	
1	Đào tạo, bồi dưỡng chuyên gia KH&CN	0	0	
2	Đào tạo, bồi dưỡng theo nhóm nghiên cứu	0	0	
3	Bồi dưỡng sau tiến sỹ	0	0	
4	Đào tạo, bồi dưỡng nhân lực quản lý KH&CN	08	0	
5	Bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành KH&CN	0	0	
6	Bồi dưỡng nâng cao trình độ, kỹ năng khác (đề nghị thống kê nội dung cụ thể)	0	0	

Biểu số 01.07/KHCNĐP-CCTC

**TÌNH HÌNH TRIỂN KHAI CƠ CHẾ TỰ CHỦ  
CỦA TỔ CHỨC KH&CN CÔNG LẬP**

*Kỳ báo cáo: Năm 2021*

*(Từ ngày 15 tháng 12 năm 2020 đến ngày 14 tháng 12 năm 2021)*

— Đơn vị báo cáo: —————

UBND cấp tỉnh

**Đơn vị nhận báo cáo:**

Bộ KH&CN

STT	Nội dung	Số lượng	Ghi chú
<b>I</b>	<b>Số tổ chức KH&amp;CN công lập thuộc thẩm quyền quản lý</b>	<b>01</b>	
1	Số tổ chức chưa phê duyệt phương án tự chủ		
2	Số tổ chức đã phê duyệt phương án tự chủ	01	
2.1	Số tổ chức tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư		
2.2	Số tổ chức tự bảo đảm chi thường xuyên		
2.3	Số tổ chức tự bảo đảm một phần chi thường xuyên	01	
2.4	Số tổ chức do Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên		
3	Số tổ chức được vận dụng cơ chế tài chính như doanh nghiệp		
<b>II</b>	<b>Số tổ chức đã chuyển thành công ty cổ phần</b>	<b>0</b>	

Hàng xóm và người thân



Biểu số 01.08/KHCNDP-PTTT

**TÌNH HÌNH, KẾT QUẢ PHÁT TRIỂN  
THỊ TRƯỜNG KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ**

*Kỳ báo cáo: Năm 2021*

*(Từ ngày 15 tháng 12 năm 2020 đến ngày 14 tháng 12 năm 2021)*

Đơn vị báo cáo: \_\_\_\_\_

Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

Đơn vị nhận báo cáo:

Bộ Khoa học và Công nghệ

**1. Số lượng tổ chức trung gian của thị trường KH&CN**

STT	Tên tổ chức trung gian	Số lượng
1	Sàn giao dịch công nghệ	
2	Trung tâm giao dịch công nghệ	03
3	Trung tâm xúc tiến và hỗ trợ hoạt động chuyển giao công nghệ	
4	Trung tâm hỗ trợ định giá tài sản trí tuệ	
5	Trung tâm hỗ trợ đổi mới sáng tạo	
6	Cơ sở ươm tạo công nghệ, ươm tạo doanh nghiệp KH&CN	
	<b>Tổng số</b>	

**2. Kết quả tổ chức sự kiện KH&CN**

STT	Sự kiện KH&CN	Số lượng người tham gia	Số lượng Hợp đồng chuyển giao công nghệ	Giá trị Hợp đồng chuyển giao công nghệ (tr.đồng)
1	Chợ công nghệ và thiết bị (Techmart)			
2	Sự kiện kết nối cung cầu (Techdemo)			
3	Ngày hội khởi nghiệp đổi mới sáng tạo (Techfest)			
4	Các sự kiện KH&CN khác...			

KIẾN GIẢ

Biểu số 01.09/KHCNDP-TTKHCN

## CÔNG TÁC THÔNG TIN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

Kỳ báo cáo: Năm 2021

(Từ ngày 15 tháng 12 năm 2020 đến ngày 14 tháng 12 năm 2021)

Đơn vị báo cáo:

Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

Đơn vị nhận báo cáo:

Bộ Khoa học và Công nghệ

## 1. Thông tin về nhiệm vụ KH&amp;CN

Tổng số nhiệm vụ KH&CN	Số nhiệm vụ đang tiến hành	Số nhiệm vụ được nghiệm thu và đăng ký kết quả	Số nhiệm vụ đã đưa vào ứng dụng
20	20	04	04

## 2. Công tác phát triển nguồn tin KH&amp;CN

STT	Loại nguồn tin KH&CN	Mua bằng NSNN		Trao đổi/Biểu tặng		Tự xuất bản	
		Dạng giấy	Dạng điện tử	Dạng giấy	Dạng điện tử	Dạng giấy	Dạng điện tử
1	Sách (số tên)						
2	Báo/Bản tin (số lượng)						
3	Tạp chí/ấn phẩm liên tục (số lượng)						
4	Cơ sở dữ liệu (số CSDL)						
5	Loại khác (ghi cụ thể loại tài liệu, số lượng)						

## 3. Cơ sở dữ liệu KH&amp;CN trong nước và quốc tế

STT	Tên cơ sở dữ liệu	Loại cơ sở dữ liệu (thư mục, tóm tắt, toàn văn)	Tổng số biểu ghi	Cho phép khai thác online (Có/Không)
1				

Biểu số 01.10/KHCNĐP-KP

**TÌNH HÌNH PHÂN BỐ VÀ SỬ DỤNG KINH PHÍ**  
**SỰ NGHIỆP KH&CN**

Kỳ báo cáo: Năm 2021

(Từ ngày 15 tháng 12 năm 2020 đến ngày 14 tháng 12 năm 2021)

Đơn vị báo cáo: \_\_\_\_\_

UBND cấp tỉnh

Đơn vị nhận báo cáo:

Bộ KH&amp;CN

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Nội dung	Kinh phí TW giao	Kinh phí do UBND cấp tỉnh phê duyệt	Kinh phí thực hiện
<b>I</b>	<b>Kinh phí sự nghiệp KH&amp;CN</b>	<b>34.000</b>	<b>25.436</b>	<b>17.952</b>
1	Kinh phí nhiệm vụ KH&CN trung ương ủy quyền địa phương quản lý (chi tiết theo từng nhiệm vụ)			
2	Chi nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh, cấp huyện		18.838	14.151
3	Chi nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng			
4	Chi hoạt động KH&CN phục vụ quản lý nhà nước			
5	Chi hoạt động KH&CN cấp huyện			
6	Chi các đơn vị sự nghiệp		2.601	2.601
7	Chi nâng cao năng lực nghiên cứu, công nghệ cấp			
8	Chi khác		3.997	1.200
<b>II</b>	<b>Kinh phí đầu tư phát triển</b>		<b>0</b>	<b>0</b>
	<b>Tổng số (I + II)</b>	<b>34.000</b>	<b>25.436</b>	<b>17.952</b>

Kỳ báo cáo: Năm 2021

**Đơn vị báo cáo:**

**Đơn vị nhận báo cáo:**

Bộ Khoa học và Công nghệ

Đơn vị tính: triệu đồng

Đơn vị tính: triệu đồng		
STT	Nội dung hoạt động	Kinh phí thực hiện
1	Hoạt động tài trợ	
2	Hoạt động nâng cao năng lực	
3	Bảo lãnh vốn vay	
4	Cho vay	
5	Các hoạt động khác	
	<b>Tổng số</b>	

11216721

Biểu số 01.12/KHCNDP-QCKT

**TÌNH HÌNH BAN HÀNH**  
**QUY CHUẨN KỸ THUẬT ĐỊA PHƯƠNG**

*Kỳ báo cáo: Năm 2021*

*(Từ ngày 15 tháng 12 năm 2020 đến ngày 14 tháng 12 năm 2021)*

Đơn vị báo cáo:

Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

Đơn vị nhận báo cáo:

Bộ Khoa học và Công nghệ

STT	Số Quyết định	Ngày ban hành	Cơ quan ban hành	Tên quy chuẩn kỹ thuật địa phương	Ký hiệu quy chuẩn địa phương
1					
2					
3					
4					
5					
6					
...					

Biểu số 01.13/KHCNĐP-ĐL

**KẾT QUẢ THANH TRA, KIỂM TRA NHÀ NƯỚC  
VỀ ĐO LƯỜNG**

*Kỳ báo cáo: Năm 2021*

*(Từ ngày 15 tháng 12 năm 2020 đến ngày 14 tháng 12 năm 2021)*

Đơn vị báo cáo:

Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

Đơn vị nhận báo cáo:

Bộ Khoa học và Công nghệ

TT	Đối tượng kiểm tra	Kết quả	Số lượng	Ghi chú
1	Phương tiện đo (PTĐ) và lượng của hàng đóng gói sẵn	Số đợt kiểm tra	01	
		Số lượng cơ sở được kiểm tra	33	
		Số lượng PTĐ được kiểm tra	29	
		Số PTĐ vi phạm	0	
		Số hàng đóng gói sẵn được kiểm tra	2447	
		Số cơ sở vi phạm	06	Xử phạt vi phạm hành chính 12.250.000 đồng (Bán hàng hóa có lượng của hàng đóng gói sẵn không đạt yêu cầu)
2	Phép đo	Số đợt kiểm tra	0	
		Số lượng cơ sở được kiểm tra	0	
		Số lượng phép đo được kiểm tra	0	
		Số cơ sở vi phạm	0	
3	Hoạt động kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm	Số đợt kiểm tra	0	
		Số đợt kiểm tra	0	
		Số cơ sở vi phạm	0	

Biểu số 01.14/KHCNĐP-HCHQ

**TÌNH HÌNH TIẾP NHẬN**  
**HỒ SƠ CÔNG BỐ HỢP CHUẨN/HỢP QUY**

Kỳ báo cáo: Năm 2021

(Từ ngày 15 tháng 12 năm 2020 đến ngày 14 tháng 12 năm 2021)

Đơn vị báo cáo: \_\_\_\_\_

UBND cấp tỉnh

Đơn vị nhận báo cáo:

Bộ KH&amp;CN

STT	Số tiếp nhận	Tên tổ chức, cá nhân công bố	Tên sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, quá trình, môi trường	Tiêu chuẩn/ quy chuẩn	Loại hình đánh giá		Ghi chú
					Bên thứ nhất (tên tổ chức chứng nhận đã đăng ký/ được chỉ định)	Bên thứ ba (tự đánh giá)	
1	01/TB-TĐC	Công ty Cổ phần xi măng Hà Tiên Kiên Giang	Xi măng Poóc lăng hỗn hợp PCB <sub>40</sub>	TCVN 6260:2009	Trung tâm chứng nhận phú hợp Quacert		Tiếp nhận tháng 01/2021
2	02/TB-TĐC	Công ty Cổ phần xi măng Hà Tiên Kiên Giang	Xi măng Poóc lăng hỗn hợp PCB <sub>50</sub>	TCVN 6260:2009	Trung tâm chứng nhận phú hợp Quacert		Tiếp nhận tháng 01/2021
3	03/TB-TĐC	Công ty TNHH Lý khánh	Bê tông thương phẩm Mác 200	TCVN 9340:2012	Trung tâm Kiểm nghiệm và Chứng nhận chất lượng TQC		Tiếp nhận tháng 04/2021
4	04/TB-TĐC	Công ty TNHH Lý khánh	Bê tông thương phẩm Mác 250	TCVN 9340:2012	Trung tâm Kiểm nghiệm và Chứng nhận chất lượng TQC		Tiếp nhận tháng 04/2021
5	05/TB-TĐC	Công ty TNHH Lý khánh	Bê tông thương phẩm Mác 300	TCVN 9340:2012	Trung tâm Kiểm nghiệm và Chứng nhận chất lượng TQC		Tiếp nhận tháng 04/2021
6	06/TB-TĐC	Công ty TNHH Lý khánh	Bê tông thương phẩm Mác 350	TCVN 9340:2012	Trung tâm Kiểm nghiệm và Chứng nhận chất lượng TQC		Tiếp nhận tháng 04/2021

STT	Số tiếp nhận	Tên tổ chức, cá nhân công bố	Tên sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, quá trình, môi trường	Tiêu chuẩn/ quy chuẩn	Loại hình đánh giá		Ghi chú
					Bên thứ nhất (tên tổ chức chứng nhận đã đăng ký/ được chỉ định)	Bên thứ ba (tự đánh giá)	
7	07/TB-TĐC	Công ty TNHH Lý khánh	Bê tông thương phẩm Mác 400	TCVN 9340:2012	Trung tâm Kiểm nghiệm và Chứng nhận chất lượng TQC		Tiếp nhận tháng 04/2021
8	08/TB-TĐC	Công ty TNHH Lý khánh	Bê tông thương phẩm Mác 500	TCVN 9340:2012	Trung tâm Kiểm nghiệm và Chứng nhận chất lượng TQC		Tiếp nhận tháng 04/2021

// . . . . .



Biểu số 01.15/KHCNDP-ĐGSPH

**TÌNH HÌNH CHỈ ĐỊNH**  
**TỔ CHỨC ĐÁNH GIÁ SỰ PHÙ HỢP**

*Kỳ báo cáo: Năm 2021*

*(Từ ngày 15 tháng 12 năm 2020 đến ngày 14 tháng 12 năm 2021)*

Đơn vị báo cáo: \_\_\_\_\_

Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

Đơn vị nhận báo cáo:

Bộ Khoa học và Công nghệ

STT	Tên tổ chức đánh giá sự phù hợp	Số Quyết định	Ngày ban hành	Lĩnh vực/ đối tượng	Hình thức		
					Chỉ định lần đầu	Thay đổi, bổ sung	Hủy bỏ hiệu lực/ Giải thể
1							
2							
3							
4							
5							
....							
	<b>Tổng số</b>				...	...	...

Biểu số 01.16/KHCNĐP-CL

**KẾT QUẢ KIỂM TRA CHẤT LƯỢNG SẢN PHẨM, HÀNG HÓA  
TRONG SẢN XUẤT/TRONG NHẬP KHẨU/TRÔNG LƯU THÔNG<sup>9</sup>**

*Kỳ báo cáo: Năm 2021*

*(Từ ngày 15 tháng 12 năm 2020 đến ngày 14 tháng 12 năm 2021)*

Đơn vị báo cáo: \_\_\_\_\_

UBND cấp tỉnh

Đơn vị nhận báo cáo:

Bộ KH&amp;CN

STT	Chủng loại hàng hóa được kiểm tra	Số cơ sở được kiểm tra	Số lượng SPHH được kiểm tra	Hàng hóa vi phạm		Cơ sở vi phạm		Kết quả xử lý
				Số lượng	Giá trị	Số lượt cơ sở vi phạm	Số lượt cơ sở bị xử lý	
1								
...								-

Biểu số 01.17/KHCNDP-GTCL

**CÔNG TÁC QUẢN LÝ XÉT TẶNG**  
**GIẢI THƯỞNG CHẤT LƯỢNG SẢN PHẨM, HÀNG HÓA**

*Kỳ báo cáo: Năm 2021*

*(Từ ngày 15 tháng 12 năm 2020 đến ngày 14 tháng 12 năm 2021)*

Đơn vị báo cáo:

Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

Đơn vị nhận báo cáo:

Bộ Khoa học và Công nghệ

**1. Cấp Giấy xác nhận (GXN) đăng ký hoạt động xét tặng giải thưởng chất lượng sản phẩm, hàng hoá trên địa bàn tỉnh, thành phố**

STT	Tên tổ chức, cá nhân đã được cấp GXN	Địa chỉ, số điện thoại, email	Quyết định cấp GXN	Tên giải thưởng	Thời gian tổ chức xét thưởng
1					
2					
...					

**2. Quản lý xét tặng giải thưởng chất lượng sản phẩm, hàng hóa tổ chức trên địa bàn tỉnh, thành phố**

STT	Tên tổ chức, cá nhân tổ chức xét thưởng	Địa chỉ, số điện thoại, email	Quyết định đã được cấp GXN	Tên giải thưởng	Kết quả tổ chức xét thưởng
1					
2					
...					

Biểu số 01.18/KHCNĐP-SHTT

## CÔNG TÁC QUẢN LÝ VỀ SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Kỳ báo cáo: Năm 2021

(Từ ngày 15 tháng 12 năm 2020 đến ngày 14 tháng 12 năm 2021)

Đơn vị báo cáo:

UBND cấp tỉnh

Đơn vị nhận báo cáo:

Bộ KH&amp;CN

## 1. Công tác đào tạo, tuyên truyền về sở hữu trí tuệ

STT	Nội dung đào tạo, tuyên truyền	Hình thức đào tạo, tuyên truyền	Đối tượng chính	Cơ quan tổ chức	Số lượt người	Thời gian
1	Tuyên truyền về SHTT					

## 2. Công tác hướng dẫn các tổ chức, cá nhân xác lập, bảo vệ quyền sở hữu công nghiệp (SHCN)

Đối tượng SHCN	Xác lập quyền SHCN (Số lượt hướng dẫn)	Bảo vệ quyền SHCN		
		Số lượt hướng dẫn	Số vụ được hướng dẫn và đã nộp đơn	Số vụ được giải quyết
Nhãn hiệu	04			
Chỉ dẫn địa lý				
Kiểu dáng công nghiệp				
Sáng chế/giải pháp hữu ích				
Các đối tượng khác (Thiết kế bố trí mạch tích hợp bán dẫn, tên thương mại ...)				

## 3. Công tác xử lý xâm phạm quyền SHCN

Xâm phạm quyền SHCN		Số KH&CN	Quản lý thị trường	Công an	Hải quan	UBND	
						UBND cấp huyện	UBND cấp tỉnh
Số vụ		01					
Phạt cảnh cáo (vụ)		0					

Xâm phạm quyền SHCN		Số KH&CN	Quản lý thị trường	Công an	Hải quan	UBND	
						UBND cấp huyện	UBND cấp tỉnh
Nhãn hiệu <sup>10</sup>	Phạt tiền (vụ)	0					
	Tổng số tiền phạt (triệu đồng)	0					
	Số sản phẩm bị xử lý	0					
	Số vụ cần trung cầu giám định/xin ý kiến chuyên môn	0					

#### 4. Công tác hỗ trợ phát triển tài sản trí tuệ

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
1	Số lượng dự án, nhiệm vụ về hỗ trợ phát triển tài sản trí tuệ được phê duyệt	Dự án	0	
2	Số SC/GPHI được hỗ trợ bảo hộ, khai thác	Giải pháp	0	
3	Số sản phẩm đặc thù địa phương được hỗ trợ bảo hộ, quản lý quyền SHTT	Sản phẩm	0	
4	Số lượng tổ chức tập thể được thành lập để quản lý tài sản trí tuệ cộng đồng	Hội, Hiệp hội	0	
5	Số lượt người được tập huấn, đào tạo về SHTT	Lượt người	0	
6	Số lượt doanh nghiệp được hỗ trợ về SHTT	Lượt doanh nghiệp	0	
7	Số lượt phát sóng truyền hình tuyên truyền về SHTT	Lượt phát sóng	0	
8	Tổng số kinh phí chi cho hoạt động SHTT được phê duyệt	Triệu đồng	0	

<sup>10</sup> Ghi rõ từng đối tượng SHCN gồm: sáng chế, giải pháp hữu ích, kiểu dáng công nghiệp, nhãn hiệu, tên thương mại, thiết kế bố trí mạch tích hợp bán dẫn...

Biểu số 01.19/KHCNDP-NLNT

**CÔNG TÁC PHÁT TRIỂN ỨNG DỤNG  
NĂNG LƯỢNG NGUYÊN TỬ**

*Kỳ báo cáo: Năm 2021*

*(Từ ngày 15 tháng 12 năm 2020 đến ngày 14 tháng 12 năm 2021)*

Đơn vị báo cáo:

UBND cấp tỉnh

Đơn vị nhận báo cáo:

Bộ KH&amp;CN

**1. Ứng dụng năng lượng nguyên tử trong lĩnh vực y tế**

STT	Nội dung	Y học hạt nhân <sup>11</sup>	Xạ trị <sup>12</sup>	X-quang, MRI
1	Số cơ sở có ứng dụng			51
2	Số thiết bị			17
3	Số thiết bị được lắp đặt mới trong kỳ báo cáo			
4	Số bác sỹ			14
5	Số kỹ thuật viên			
6	Số bệnh nhân được chẩn đoán/điều trị			
7	Tổng hoạt độ được chất phóng xạ được sử dụng trong kỳ báo cáo (mCi)			

**2. Ứng dụng năng lượng nguyên tử trong lĩnh vực công nghiệp**

STT	Nội dung	Lĩnh vực ứng dụng					
		Soi an ninh hải quan	Soi bo mạch, linh kiện	Công nghiệp hóa chất, phân bón	Công nghiệp dầu khí	Công nghiệp thép, xi măng	Công nghiệp bia nước giải khát, giấy và khác

<sup>11</sup> Thiết bị y học hạt nhân: SPECT, SPECT/CT, PET/CT, Cyclotron,...

<sup>12</sup> Thiết bị xạ trị: xạ trị Co-60, LINAC, HDR, gamma knife, cyber knife.

1	Số cơ sở có ứng dụng						
2	Tổng số nguồn phóng xạ kín						
3	Tổng số thiết bị bức xạ						
4	Số thiết bị được lắp đặt mới trong kỳ báo cáo						
5	Số nhân viên bức xạ						

### 3. Chiếu xạ công nghiệp

STT	Thiết bị chiếu xạ công nghiệp	Số thiết bị	Khối lượng chiếu xạ trong kỳ báo cáo (tấn/m <sup>3</sup> )			
			Hải sản	Trái cây	Chiếu xạ khử trùng y tế	Mặt hàng khác
1	Thiết bị chiếu xạ công nghiệp dùng nguồn Co 60					
2	Thiết bị chiếu xạ công nghiệp dùng máy gia tốc					

Biểu số 01.20/KHCNDP-ATBX

**CÔNG TÁC QUẢN LÝ**  
**VỀ AN TOÀN BỨC XẠ VÀ HẠT NHÂN**

Kỳ báo cáo: Năm 2021

(Từ ngày 15 tháng 12 năm 2020 đến ngày 14 tháng 12 năm 2021)

Đơn vị báo cáo:

UBND cấp tỉnh

Đơn vị nhận báo cáo:

Bộ KH&amp;CN

**1. Tình hình cấp phép tiến hành công việc bức xạ**

STT	Tên cơ sở	Số giấy phép	Ngày cấp	Số lượng nhân viên bức xạ	Số lượng thiết bị X-quang	Số lượng thiết bị PET/CT	Số lượng thiết bị SPECT/CT
1	Phòng khám Nội TH Bs Trần Quang Phúc	17/GP-SKHCN	28/01/2021	01	01		
2	Bệnh viện đa khoa tỉnh KG	472/GP-UBND	25/02/2021	04	02		
3	PKĐK S.O.S Phú Quốc (CS2)	14/GP-SKHCN	22/01/2021	01	01		
4	Nha Khoa Phúc	473/GP-UBND	25/02/2021	01	01		
5	Công ty Cổ phần PKĐK Sóc Ven	20/GP-SKHCN	29/01/2021	01	01		
6	Công ty Cổ phần PKĐK Thanh Bình Sóc Ven	670/GP-UBND	15/03/2021	01	01		
7	Công ty TNHH PKĐK Thiện Mỹ	671/GP-UBND	15/03/2021	01	01		
8	Hộ kinh doanh Thú y Phú Quốc	672/GP-UBND	15/03/2021	01	01		
9	Công ty TNHH MTV PKĐK Bình Dương	1196/GP-UBND	13/05/2021	01	01		
10	Bệnh viện Sản Nhi tỉnh Kiên Giang	795/GP-UBND	23/03/2021	01	03		
11	Nha khoa Sài Gòn Quốc Tế	794/GP-UBND	23/03/2021	01	01		
12	Nha khoa BS Hiếu - BS Tâm	793/GP-UBND	23/03/2021	01	01		



13	PKĐK S.O.S Phú Quốc (cơ sở Gành Dầu)	961/GP-UBND	14/04/2021-	--01 -	01 --		
14	Chi nhánh tại Kiên Giang - Công ty Cổ phần Bệnh viện đa khoa quốc tế Vinmec	963/GP-UBND	14/04/2021	01	03		
15	Chi nhánh tại Kiên Giang - Công ty Cổ phần Bệnh viện đa khoa quốc tế Vinmec	962/GP-UBND	14/04/2021	01	02		
16	Công ty TNHH PKĐK Khu công nghiệp Thạnh Lộc	964/GP-UBND	14/04/2021	01	01		
17	HKD Phòng khám Nội TH Lê Thanh Hà (Bs Mậu)	1194/GP-UBND	13/05/2021	01	01		
18	HKD Bs Duy Phong	1195/GP-UBND	13/05/2021	01	01		
19	Hộ kinh doanh Vạn Phúc	1319/GP-UBND	01/06/2021	01	01		
20	TTYT huyện Kiên Lương	1373/GP-UBND	10/06/2021	01	01		
21	Bệnh viện đa khoa tỉnh KG	1375/GP-UBND	10/06/2021	04	09		
22	Nha Khoa Trần Thanh Long I	1374/GP-UBND	10/06/2021	01	01		
23	Đội điều trị 78 - Vùng 5 Hải quân	1320/GP-UBND	01/06/2021	01	02		
24	Chi nhánh Công ty Cổ phần Bệnh viện Thanh Bình (Sóc Xoài)	1526/GP-UBND	25/06/2021	01	01		
25	Cty TNHH MTV PKĐK Trung Cang	1527/GP-UBND	25/06/2021	01	01		
26	Phòng khám Nội TH Bs Lê Văn Chín	1950/GP-UBND	06/08/2021	01	01		
27	Phòng khám đa khoa Bs Nguyễn Minh Tuấn	44/GP-SKHCN	22/11/2021	01	01		
28	PKĐK S.O.S Phú Quốc	48/GP-SKHCN	30/11/2021	01	01		
29	Công ty Cổ phần PKĐK Mỹ Đức	51/GP-SKHCN	20/12/2021	01	01		



30	Bệnh viện Ung bướu tỉnh KG	45/GP-SKHCN	22/11/2021	01	02	01	
31	Công ty TNHH PKĐK Triều Nam	71/GP-SKHCN	27/12/2021	01	01		
32	Cty TNHH MTV PKĐK Đặng Phúc	72/GP-SKHCN	27/12/2021	01	01		
33	Công ty Cổ phần phòng khám Sài Gòn - Phú Quốc	73/GP-SKHCN	28/12/2021	01	01		
34	TTYT thành phố Hà Tiên	50/GP-SKHCN	20/12/2021	01	01		
<b>Tổng số</b>				<b>37</b>	<b>51</b>	<b>01</b>	<b>...</b>

## 2. Đánh giá tình hình thực hiện quy định của pháp luật về an toàn bức xạ và hạt nhân

Tổng số cơ sở được thanh tra, kiểm tra về an toàn bức xạ và hạt nhân: 19 cơ sở

STT	Nội dung đánh giá	Tốt		Chưa tốt		Chưa thực hiện		Ghi chú
		Số cơ sở	Tỉ lệ (%)	Số cơ sở	Tỉ lệ (%)	Số cơ sở	Tỉ lệ (%)	
1	Chấp hành các quy định về khai báo, đề nghị cấp giấy phép							
2	Bổ nhiệm người phụ trách an toàn theo quy định							
3	Chấp hành quy định về cấp Chứng chỉ nhân viên bức xạ, đào tạo về an toàn bức xạ							
4	Theo dõi và đánh giá liều chiếu xạ cá nhân cho nhân viên bức xạ							
5	Khám và lập hồ sơ theo dõi sức khỏe định kỳ đối với nhân viên bức xạ							
6	Công tác quản lý hồ sơ về an toàn bức xạ							
7	Nhật ký vận hành, sử dụng thiết bị bức xạ, nguồn phóng xạ; sổ theo dõi về sửa chữa và bảo dưỡng thiết bị bức xạ							
8	Quy trình tiến hành công việc bức xạ							
9	Nội quy an toàn bức xạ							
10	Xây dựng và triển khai Kế hoạch ứng phó sự cố bức xạ							

STT	Nội dung đánh giá	Tốt		Chưa tốt		Chưa thực hiện		Ghi chú
		Số cơ sở	Tỉ lệ (%)	Số cơ sở	Tỉ lệ (%)	Số cơ sở	Tỉ lệ (%)	
11	Thực hiện các quy định bảo đảm an ninh nguồn phóng xạ							
12	Thực hiện kiểm định thiết bị bức xạ, hiệu chuẩn thiết bị ghi đo bức xạ, kiểm xạ định kỳ khu vực tiến hành công việc bức xạ							
13	Dấu hiệu cảnh báo bức xạ							
14	Kiểm tra đánh giá an toàn việc đối với công việc bức xạ của cơ sở (kiểm tra thực tế của Đoàn thanh tra, kiểm tra)							
15	Thực hiện các yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước về an toàn bức xạ và các yêu cầu, kiến nghị của các đoàn thanh tra, kiểm tra về an toàn bức xạ							
16	Thực hiện việc báo cáo thực trạng an toàn tiến hành công việc bức xạ hàng năm và khi được yêu cầu.							

Biểu số 01.21/KHCNĐP-TTRA

**KẾT QUẢ THANH TRA, KIỂM TRA  
TRONG LĨNH VỰC KH&CN**

*Kỳ báo cáo: Năm 2021*

*(Từ ngày 15 tháng 12 năm 2020 đến ngày 14 tháng 12 năm 2021))*

Đơn vị báo cáo:

UBND cấp tỉnh

Đơn vị nhận báo cáo:

Bộ KH&amp;CN

Đơn vị tính: Tiền (triệu đồng)

Lĩnh vực <sup>13</sup>	Số cuộc thanh tra, kiểm tra			Số cá nhân được thanh tra, kiểm tra		Số tổ chức được thanh tra, kiểm tra		Kết quả																			Ghi chú
	Tổng số	Thành lập đoàn	Thanh tra độc lập					Số có vi phạm			Số QĐ xử phạt hành chính được ban hành			Số tiền vi phạm			Số tiền kiến nghị thu hồi	Số tiền xử lý tài sản vi phạm			Số tiền xử phạt vi phạm			Số tiền đã thu			
								Thanh tra	Kiểm tra	Thanh tra	Kiểm tra	Tổng số	Cá nhân	Tổ chức	Tổng số	Cá nhân		Tổ chức	Tổng số	Cá nhân	Tổ chức	Tổng số	Tích thu (thành tiền)	Tiêu hủy (thành tiền)	Tổng số	Cá nhân	
MS	1=2+3	2	3	4	5	6	7	8=9+10	9	10	11=12+13	12	13	14=15+16	15	16	17	18=19+20	19	20	21=22+23	22	23	24=25+26	25	26	27
Tiêu chuẩn đo lường chất lượng																											
An toàn bức xạ và hạt nhân																											

**Lưu ý:**

Cột (24), (25), (26) là số tiền đã thu từ kết quả kiến nghị thu hồi từ Cột 17 + Số tiền tài sản vi phạm đã xử lý từ Cột 18 + Số tiền xử phạt vi phạm đã thu từ Cột 21./.